

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ  
KHOA KẾ TOÁN TÀI CHÍNH



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

*Đề tài:*

**KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU  
VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY  
CỔ PHẦN GẠCH TUYNEL HƯƠNG THỦY**



**Giáo viên hướng dẫn:**

**Nguyễn Quang Huy**

**Sinh viên thực hiện:**

**Phan Thị Kim Ngân**

**Lớp: K44B-KTKT**

**Huế, 5/2014**

## *Lời Cảm Ơn*

Những lời đầu tiên trong bản khóa luận tốt nghiệp này, tôi xin trân trọng cảm ơn các thầy giáo, cô giáo trường Đại học Kinh tế Đại học Huế trong suốt khóa học đã tận tình truyền đạt những kiến thức và kinh nghiệm quý báu giúp tôi hoàn thành tốt khóa luận này.

Đặc biệt tôi xin trân trọng cảm ơn Thầy giáo Nguyễn Quang Huy đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn tôi suốt thời gian nghiên cứu và hoàn thành khóa luận này.

Xin trân trọng cảm ơn Ban giám đốc, các phòng ban chức năng tại công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy, đặc biệt các cô, các chị phòng kế toán tại Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong thời gian thực tập vừa qua, đã cung cấp những kinh nghiệm, kiến thức thực tế quý báu và các tài liệu cần thiết để tôi nghiên cứu, hoàn thành khóa luận này.

Xin trân trọng cảm ơn gia đình, thầy cô và bạn bè đã động viên và giúp đỡ tôi trong thời gian vừa qua.

Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng do hạn chế về mặt thời gian cũng như kinh nghiệm thực tế nên đề tài không tránh khỏi những thiếu sót nhất định.

Kính mong quý thầy cô tiếp tục, bổ sung góp ý để đề tài được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa tôi xin chân thành cảm ơn!

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ</b> .....	1
1.1. Lý do chọn đề tài.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.2. Mục tiêu nghiên cứu.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.3. Đối tượng nghiên cứu .....	2
1.4. Phạm vi nghiên cứu.....	2
1.5. Phương pháp nghiên cứu.....	2
1.6. Kết cấu khóa luận.....	2
<b>PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU</b> .....	4
<b>Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ</b> .....	4
1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.....	4
1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.....	4
1.1.2. Đặc điểm, yêu cầu quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty.....	4
1.1.3. Phân loại nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp. ....	5
1.1.4. Đánh giá nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.....	7
1.2. Đặc điểm chế độ kế toán áp dụng trong doanh nghiệp.....	11
1.2.1. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp sản xuất .....	11
1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp sản xuất .....	11
1.2.3. Chứng từ sổ sách sử dụng.....	16
1.2.4. Tài khoản sử dụng.....	16
1.2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.....	18
<b>Chương 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUYNEL HƯƠNG THỦY</b> .....	23
2.1. Tình hình cơ bản của công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy.....	23

2.1.1. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy .....	23
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và vị trí của Công ty đối với nền kinh tế.....	24
2.1.3. Đặc điểm tổ chức của công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy .....	25
2.1.4. Hình thức tổ chức kế toán.....	30
2.1.5. Hình thức kế toán tại Công ty.....	30
2.1.6. Tình hình lao động tại Công ty .....	31
2.1.7. Tình hình tài sản, nguồn vốn tại Công ty .....	32
2.1.8. Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh tại Công ty .....	36
2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy.....	38
2.2.1. Đặc điểm, phân loại, điều kiện bảo quản và tính giá nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty .....	38
2.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty .....	41
2.2.3. Tài khoản kế toán sử dụng.....	59
2.2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty.....	59
<b>Chương 3. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VÀ ĐƯA RA MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUYNEL HƯƠNG THỦY.....</b>	<b>70</b>
3.1. Đánh giá về công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy.....	70
3.1.1. Những ưu điểm .....	71
3.1.2. Những nhược điểm .....	72
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty .....	73
3.2.1. Yêu cầu hoàn thiện .....	74
3.2.2. Một số biện pháp hoàn thiện.....	74
<b>PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ. ....</b>	<b>77</b>
III.1. Kết luận .....	77
III.2. Kiến nghị.....	77

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

NVL	: Nguyên vật liệu
CCDC	: Công cụ dụng cụ
CTCP	: Công ty cổ phần
HĐ	: Hóa đơn
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
DN	: Doanh nghiệp
GTGT	: Giá trị gia tăng
KKTX	: Kê khai thường xuyên
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
PNK	: Phiếu nhập kho
PXK	: Phiếu xuất kho

## **DANH MỤC SƠ ĐỒ**

Sơ đồ 1.1: Hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song .....	13
Sơ đồ 1.2: Hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	14
Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết vật tư theo phương pháp sổ số dư.....	15
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty .....	25
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.....	28
Sơ đồ 2.3: Lưu đồ luân chuyển chứng từ nhập kho NVL, CCDC .....	43
Sơ đồ 2.4: Lưu chuyển chứng từ xuất kho NVL, CCDC .....	48

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Tình hình lao động của Công ty (2011-2012-2013) .....	32
Bảng 2.2: Bảng phân tích tình hình biến động tài sản tại công ty qua các năm 2011-2012-2013 .....	34
Bảng 2.3: Bảng phân tích tình hình biến động nguồn vốn tại Công ty qua các năm 2011-2012-2013.....	35
Bảng 2.4: Bảng phân tích tình hình biến động kết quả sản xuất kinh doanh tại Công ty qua các năm 2011-2012-2013 .....	37
Biểu số 1: Phiếu yêu cầu mua vật tư hàng hóa.....	44
Biểu số 2: Hóa đơn GTGT .....	45
Biểu số 3: Thẻ kho than cám 6 .....	46
Biểu số 4: Phiếu nhập kho than cám 6. ....	47
Biểu số 5: Phiếu yêu cầu vật tư hàng hóa.....	49
Biểu số 6: Phiếu xuất kho. ....	50
Biểu số 7: Phiếu xuất kho than.....	51
Biểu số 8: Trích sổ kế toán chi tiết TK 152.....	52
Biểu số 9: Trích sổ chi tiết TK 152: Than cám 6 .....	53
Biểu số 10: Trích sổ chi tiết TK 152 .....	54
Biểu số 11: Trích sổ chi tiết TK 153 .....	55
Biểu số 12: Trích sổ kế toán chi tiết TK 153.....	56
Biểu số 13: Trích báo cáo nhập xuất tồn nguyên vật liệu .....	57
Biểu số 14: Trích Báo cáo nhập xuất tồn công cụ dụng cụ .....	58
Biểu số 15: Trích sổ nhật ký chung.....	66
Biểu số 16: Trích sổ cái TK 152- Nguyên vật liệu.....	67
Biểu số 17: Trích sổ cái 153- Công cụ dụng cụ .....	68

## **PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ**

### **1.1. Lý do chọn đề tài**

Trong xu thế hiện nay, nền kinh tế toàn cầu hóa làm cho mức độ cạnh tranh về kinh tế trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang ngày càng diễn ra gay gắt, khốc liệt. Việt Nam từ khi gia nhập tổ chức thương mại kinh tế thế giới- thành viên thứ 150 của WTO đã không ngừng nỗ lực vươn lên để bắt kịp với những thay đổi và phát triển của nền kinh tế thế giới. Điều đó đã khuyến khích nhiều doanh nghiệp lớn nhỏ ra đời với các lĩnh vực kinh doanh phong phú đa dạng.

Mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại thì phải kinh doanh có hiệu quả, muốn vậy, doanh nghiệp đó phải kiểm soát được doanh thu và chi phí của công ty mình.

Một trong ba nhân tố cấu thành nên chi phí của quá trình sản xuất là nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu là nhân tố chính cấu thành nên sản phẩm, đặc biệt đối với những doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề sản xuất vật liệu xây dựng. Bên cạnh đó, tuy chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng không kém phần quan trọng là công cụ dụng cụ

Tổ chức tốt công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ là một trong những điều kiện để duy trì sự tồn tại và phát triển của công ty trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Thành lập từ năm 2008, với ngành nghề sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, sắt thép, vì vậy, nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong giá thành và đòi hỏi phải có quy trình quản lý, sử dụng hiệu quả. Công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ bao gồm quản lý và kiểm soát sự biến động gặp một số khó khăn nhất định.

Sau một thời gian thực tập tại công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy, nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ đối với công tác quản lý sản xuất nói riêng và quản lý doanh nghiệp nói chung, dưới sự hướng dẫn của giảng viên Nguyễn Quang Huy, em đã đi sâu nghiên cứu đề tài:

**“KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUYNEL HƯƠNG THỦY”**



## **1.2. Mục tiêu nghiên cứu**

Đề tài này được thực hiện nhằm những mục tiêu sau:

- ✓ Tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề chung liên quan đến kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.
- ✓ Nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.
- ✓ Đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng.

## **1.3. Đối tượng nghiên cứu**

Nghiên cứu công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy.

## **1.4. Phạm vi nghiên cứu**

- ✓ Nội dung: kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.
- ✓ Thời gian nghiên cứu: Quý II năm 2013.

## **1.5. Phương pháp nghiên cứu**

Để hoàn thành khóa luận này, tôi đã sử dụng hai phương pháp nghiên cứu sau:

### *1.5.1. Phương pháp thu thập số liệu.*

- Đọc, nghiên cứu, tham khảo, tìm hiểu các giáo trình do các giảng viên biên soạn để giảng dạy, sách tại các thư viện,..để có tài liệu tham khảo cho đề tài này.
- Thu thập số liệu, sổ sách từ các phòng ban tại công ty: báo cáo tài chính, sổ sách, hóa đơn, phiếu,...

### *1.5.2. Phương pháp xử lý số liệu*

Toàn bộ số liệu thu thập được xử lý và đưa vào khóa luận một cách chính xác, khoa học, đưa người đọc đến những thông tin hiệu quả nhất.

## **1.6. Kết cấu khóa luận**

Khóa luận có kết cấu 3 phần:

Phần I: Đặt vấn đề.

Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu.

Chương 1: Tổng quan về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy.

2.1 Khái quát tình hình cơ bản tại Công ty

2.2 Thực trạng kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty.

Chương 3: Đánh giá và đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy.

Phần III: Kết luận và kiến nghị.

## PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### Chương 1

## TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ

### 1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ

#### 1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ<sup>1</sup>

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động được thể hiện dưới dạng vật chất, là yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, là thành phần cấu thành nên sản phẩm.

Nguyên vật liệu bao gồm: nguyên liệu và vật liệu.

- Nguyên liệu là thuật ngữ dùng để chỉ các đối tượng lao động chưa qua chế biến
- Vật liệu là thuật ngữ để chỉ các đối tượng lao động đã qua khâu sơ chế hoặc chế biến.

Công cụ dụng cụ là tư liệu lao động không có đủ tiêu chuẩn để trở thành tài sản cố định.

#### 1.1.2. Đặc điểm, yêu cầu quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty<sup>2</sup>

##### 1.1.2.1. Đặc điểm nguyên vật liệu

- Chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất chế tạo sản phẩm và cung cấp dịch vụ.
- Khi tham gia vào quá trình sản xuất, vật liệu biến đổi hoàn toàn hình thái vật chất ban đầu và giá trị được chuyển một lần vào chi phí SXKD.

##### 1.1.2.2. Đặc điểm công cụ dụng cụ

- Tham gia vào một hay nhiều chu kỳ sản xuất mà vẫn giữ được hình thái vật chất ban đầu.
- Giá trị được chuyển một lần hoặc phân bổ dần vào chi phí SXKD.
- Có giá trị nhỏ và thời gian sử dụng ngắn.

##### 1.1.2.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ

<sup>1</sup> Vi.wikipedia.org

<sup>2</sup> Lê Thị Lan Hương, Tài nguyên giáo dục Mở Việt Nam, www.voer.edu.vn

Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là một trong ba chi phí cấu thành giá thành của sản phẩm, do đó, việc quản lý nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được bắt đầu từ khâu mua, đến khâu bảo quản và khâu sử dụng.

Ở khâu mua: phải quản lý việc thực hiện kế hoạch thu mua về số lượng, chất lượng, quy cách, phẩm chất, chủng loại, giá mua, chi phí mua cũng như đảm bảo tiến độ, thời gian đáp ứng kịp thời nhu cầu của SXKD của DN. Bộ phận kế toán tài chính cần có quyết định đúng đắn từ việc lựa chọn nguồn, nhà cung cấp, thời gian cung ứng, phương tiện vận chuyển và kho bãi nhận hàng.

Ở khâu bảo quản: phải tổ chức tốt kho hàng, bến bãi, trang bị đầy đủ các trang thiết bị đo lường cần thiết, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện chế độ bảo quản đối với từng loại vật liệu, tránh hư hỏng, đảm bảo an toàn cho tài sản. Ngoài ra, doanh nghiệp cần tính toán lượng dự trữ tối thiểu và tối đa để đảm bảo hoạt động sxkd bình thường đồng thời tránh lãng phí nguồn lực.

Ở khâu sử dụng: phải sử dụng hợp lý, tiết kiệm, chấp hành tốt các định mức, dự toán chi phí nhằm tiết kiệm chi phí vật liệu góp phần quan trọng để hạ giá thành sản phẩm, tăng thu nhập và tích lũy cho doanh nghiệp. Thường xuyên kiểm tra, phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, đồng thời so sánh chi phí để theo dõi biến động chi phí xảy ra.

### ***1.1.3. Phân loại nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.<sup>3</sup>***

#### ***1.1.3.1. Phân loại nguyên vật liệu.***

Có rất nhiều tiêu thức phân loại nguyên vật liệu, kế toán thường chỉ chọn một trong các tiêu thức để ghi nhận vào sổ sách, dưới đây là phân loại dựa vào chức năng sử dụng.

Nguyên vật liệu chính: là những nguyên liệu cấu thành phần lớn thực thể vật chất sản phẩm.

---

<sup>3</sup> Lê Thị Lan Hương, Tài nguyên giáo dục mở Việt Nam, [www.voer.edu.vn](http://www.voer.edu.vn)

Ví dụ: đối với công ty dệt may, nguyên vật liệu chính là vải. Đối với công ty xây dựng, nguyên vật liệu chính là xi măng, sắt, thép,...trong đó, xi măng là thành phẩm hoặc sản phẩm của công ty sản xuất xi măng.

Nguyên vật liệu phụ: là những vật liệu tham gia vào quá trình sản xuất, không trực tiếp cấu thành thực thể vật chất sản phẩm mà có thể kết hợp với nguyên vật liệu chính làm thay đổi một số đặc tính của sản phẩm tạo ra như thêm màu sắc, mùi,..Vật liệu phụ cũng có thể được sử dụng để khiến quy trình sản xuất thực hiện được trong điều kiện bình thường, hoặc phục vụ cho yêu cầu công nghệ, kỹ thuật của quy trình.

Ví dụ: đối với công ty thực phẩm, nguyên vật liệu phụ là các chất hóa học tạo mùi thơm. Đối với công ty dệt may, nguyên vật liệu phụ là thuốc nhuộm màu...

Nhiên liệu: là vật liệu phụ có tác dụng cung cấp nhiệt cho quy trình sản xuất. Nhiên liệu tồn tại ở ba dạng chính: dạng rắn như than đá, than bùn,..dạng lỏng như xăng, dầu hỏa, dầu diesel,..dạng khí như các khí gas,..Ví dụ, đối với các công ty nhiệt điện, nhiên liệu là than đá, đối với công ty vận tải, nhiên liệu là xăng hoặc dầu diesel,...

Phụ tùng thay thế: là những vật liệu hay sản phẩm dùng để thay thế, sửa chữa máy móc, thiết bị,..Ví dụ: ruột, lốp xe, đinh, ốc vít,...

Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: là những loại vật liệu, thiết bị dùng trong xây dựng cơ bản: gạch, đá, cát,...Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm qua lắp đặt hay không qua lắp đặt, vật kết cấu gắn vào công trình xây dựng như thiết bị điện, nước.

Phế liệu là những phần vật chất mà doanh nghiệp có thể thu hồi được trong quá trình sản xuất kinh doanh. Ví dụ, đối với công ty dệt may, sau quá trình sử dụng vải để sản xuất thì thu hồi được phế liệu là các mảnh vải thừa,...

Với cách phân loại này, nguyên vật liệu được phân loại một cách tương đối và gắn liền với đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp cụ thể.

### *1.1.3.2. Phân loại công cụ dụng cụ*

Đối với công cụ dụng cụ, phân loại theo phương pháp phân bổ, theo yêu cầu quản lý và ghi chép kế toán:

Theo phương pháp phân bổ:

- o Phân bổ 1 lần: là những công cụ dụng cụ nhỏ và thời gian sử dụng ngắn.

o Phân bổ nhiều lần: là những công cụ dụng cụ có giá trị lớn và thời gian sử dụng dài

Phân loại theo yêu cầu quản lý và ghi chép kế toán:

- o Công cụ dụng cụ lao động
- o Bao bì luân chuyển
- o Đồ dùng cho thuê

#### **1.1.4. Đánh giá nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ<sup>4</sup>**

Đánh giá NVL, CCDC là dùng thước đo tiền tệ để hiển thị giá trị của chúng theo nguyên tắc nhất định. Về nguyên tắc kế toán hàng tồn kho ( trong đó gồm NVL, CCDC) phải được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

##### **1.1.4.1. Đánh giá nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ theo nguyên tắc giá gốc ( giá thực tế)**

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: giá mua, chi phí thu mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

##### **a. Giá gốc NVL, CCDC nhập kho**

Nhập kho do mua ngoài:

$$\text{Giá gốc} = \text{Giá mua ghi trên hóa đơn} - \text{Các khoản chiết khấu giảm giá} + \text{các thuế không được hoàn lại (thuế ttdb, thuế nhập khẩu)} + \text{Chi phí thu mua}$$

Các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng bao gồm: chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho (chi phí bao bì, chi phí của bộ phận thu mua độc lập, chi phí thuê kho, thuê lái...)

##### **Chú ý:**

Trường hợp nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ mua về dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, doanh nghiệp nộp thuế

<sup>4</sup> Tài nguyên giáo dục Mở Việt Nam, [www.voer.edu.vn](http://www.voer.edu.vn)

GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua ghi trên hoá đơn là giá mua chưa có thuế GTGT.

Trường hợp nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ mua về dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hay thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT thì giá mua ghi trên hoá đơn là tổng giá thanh toán bao gồm cả thuế GTGT.

b. Giá gốc NVL, CCDC tự chế biến nhập kho.

$$\begin{array}{l} \text{Giá gốc NVL và} \\ \text{CCDC nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{giá thực tế NVL} \\ \text{xuất chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{các chi phí chế} \\ \text{biến phát sinh} \end{array}$$

Chi phí chế biến hàng tồn kho bao gồm những chi phí có liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất như: CPNCTT, CPSXC cố định, CPSXC biến đổi phát sinh trong quá trình chế biến nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ.

c. Giá gốc của nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ thuê ngoài gia công chế biến nhập kho:

$$\begin{array}{l} \text{Giá gốc NVL} \\ \text{và CCDC} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{xuất kho} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{gia công} \end{array}$$

Giá gốc của nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ nhận góp vốn liên doanh, vốn cổ phần hoặc thu hồi vốn góp được ghi nhận theo giá trị thực tế do hội đồng định giá đánh giá lại và được chấp nhận cộng với các chi phí tiếp nhận (nếu có).

d. Giá gốc của nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ nhận biếu tặng:

$$\begin{array}{l} \text{Giá gốc NVL và} \\ \text{CCDC nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá hợp lý của} \\ \text{NVL và CCDC} \\ \text{tương đương} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{tiếp nhận} \end{array}$$

e. Giá gốc của nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ được cấp :

$$\begin{array}{l} \text{Giá gốc NVL và} \\ \text{CCDC nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá ghi trên sổ} \\ \text{của đơn vị cấp} \\ \text{hoặc giá do} \\ \text{đánh giá lại} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{liên quan} \end{array}$$

f. Giá gốc của phế liệu thu hồi: giá ước tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

1.1.4.2. Giá gốc nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ xuất kho

Do giá gốc của nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ nhập kho từ các nguồn nhập khác nhau như đã trình bày ở trên, để tính giá gốc hàng xuất kho kế toán có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá trị hàng tồn kho sau:

✓ Phương pháp tính theo giá đích danh: Giá trị thực tế của nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ xuất kho tính theo giá thực tế của từng lô hàng nhập. Áp dụng đối với doanh nghiệp sử dụng ít nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ có giá trị lớn và có thể nhận diện được.

✓ Phương pháp bình quân gia quyền: Giá trị của loại nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ được tính theo giá trị trung bình của từng loại, tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại được mua hoặc sản xuất trong kỳ (bình quân gia quyền cuối kỳ). Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình doanh nghiệp (bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập).

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế} \\ \text{NVL và CCDC} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng của} \\ \text{NVL và CCDC} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân gia quyền} \end{array}$$

Khi vận dụng phương pháp giá đơn vị bình quân gia quyền, doanh nghiệp có thể chọn một trong các phương án sau:

*Phương án 1:* Tính theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ (giá bình quân gia quyền toàn bộ luân chuyển trong kỳ)

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân gia} \\ \text{quyền cả kỳ dự trữ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế NVL,} \\ \text{CCDC tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị NVL, CCDC thực tế} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng NVL, CCDC} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL, CCDC} \\ \text{nhập kho trong kỳ} \end{array}}$$

Cách tính này tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

*Phương án 2:* Tính theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (còn gọi là bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân gia} \\ \text{quyền mỗi lần nhập} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế NVL,} \\ \text{CCDC trước khi nhập} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị NVL, CCDC} \\ \text{thực tế từng lần nhập} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng NVL, CCDC} \\ \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL, CCDC} \\ \end{array}}$$



trước khi nhập

từng lần nhập

✓ Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO): áp dụng dựa vào giả định là nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ được mua trước hoặc chế biến trước thì được xuất trước và tồn kho còn lại cuối kỳ là nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ được mua hoặc chế biến gần thời điểm cuối kỳ. Nói cách khác cơ sở của phương pháp này là giá thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và giá mua thực tế của hàng nhập kho trước sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất trước và do vậy giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của lần nhập kho sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

✓ Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO): trong phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước và tồn kho còn lại cuối kỳ là nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ được mua hoặc chế biến trước đó. Theo phương pháp này giá trị nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của tồn kho được hàng tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế NVL} \\ \text{và CCDC xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế của NVL,} \\ \text{CCDC nhập kho theo} \\ \text{từng lần nhập} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng xuất dùng trong} \\ \text{kì theo từng lần nhập} \end{array}$$

Hai phương pháp nhập trước xuất trước và nhập sau xuất trước có ưu điểm là hạch toán đúng giá trị từng lô hàng, phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại kho, nhưng lại khó khăn cho việc hạch toán chi tiết.

#### *1.1.4.3. Đánh giá nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ theo giá hạch toán*

Đối với những doanh nghiệp có quy mô lớn, sản xuất nhiều mặt hàng thường sử dụng nhiều loại nhóm, thứ nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ thì hoạt động nhập xuất nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ diễn ra thường xuyên, liên tục. Nếu áp dụng nguyên tắc tính theo giá gốc (giá trị thực tế) thì rất phức tạp và khó đảm bảo yêu cầu kịp thời của kế toán doanh nghiệp có thể xây dựng một hệ thống giá hạch toán để ghi chép hàng ngày trên phiếu nhập xuất và ghi sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.

Giá hạch toán là giá do kế toán của doanh nghiệp tự xây dựng, có thể là giá kế hoạch hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được trên thị trường. Giá hạch toán được sử dụng thống nhất trong toàn doanh nghiệp và được sử dụng tương đối ổn định lâu dài. Trường hợp có sự biến động và giá cả doanh nghiệp cần xây dựng lại hệ thống hạch toán.

Kế toán tổng hợp nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ phải tuân thủ nguyên tắc tính theo giá thực tế. Cuối tháng kế toán phải xác định hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá trị hạch toán của từng thứ (nhóm hoặc loại) nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ để điều chỉnh giá hạch toán xuất kho thành giá trị thực tế. Hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá trị hạch toán của từng nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ tính theo công thức:

$$\text{Hệ số chênh lệch giá NVL, CCDC} = \frac{\text{Giá trị thực tế NVL, CCDC tồn kho đầu kì} + \text{Giá trị thực tế NVL, CCDC nhập kho trong kì}}{\text{Giá trị hạch toán NVL, CCDC tồn kho đầu kì} + \text{Giá trị hạch toán NVL, CCDC nhập kho trong kì}}$$

Từ đó xác định giá thực tế của nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ xuất kho:

$$\text{Giá thực tế NVL và CCDC xuất kho} = \text{Giá ghi hạch toán NVL, CCDC xuất kho} \times \text{Hệ số chênh lệch giá}$$

## **1.2. Đặc điểm chế độ kế toán áp dụng trong doanh nghiệp**

### **1.2.1. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp sản xuất**

1. Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, nhập, xuất, tồn kho NVL, CCDC về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm cung cấp kịp thời và đầy đủ cho quá trình SXKD.

2. Sử dụng thống nhất, đúng đắn các phương pháp hạch toán, phương pháp tính giá vật tư.

3. Mở các loại sổ (thẻ) kế toán chi tiết theo từng loại vật liệu theo đúng chế độ, phương pháp và cung cấp thông tin về tình hình nhập, xuất, tồn kho phục vụ công tác quản lý.

4. Tham gia kiểm kê vật tư theo chế độ quy định của nhà nước.

### **1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp sản xuất<sup>5</sup>**

<sup>5</sup> Tài nguyên giáo dục Mở Việt Nam, www.voer.edu.vn

Kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất sử dụng một trong các phương pháp kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ sau:

- Phương pháp thẻ song song.
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.
- Phương pháp sổ số dư.

*1.2.2.1. Phương pháp thẻ song song.*

\* Nguyên tắc hạch toán

- Ở kho: việc ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho hàng ngày do thủ kho tiến hành trên thẻ kho và chỉ ghi theo chỉ tiêu số lượng.

- Ở phòng kế toán: kế toán sử dụng sổ kế toán chi tiết vật tư để ghi chép tình hình nhập xuất kho theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. Về cơ bản sổ kế toán chi tiết vật tư có kết cấu giống như thẻ kho nhưng có thêm cột giá trị.

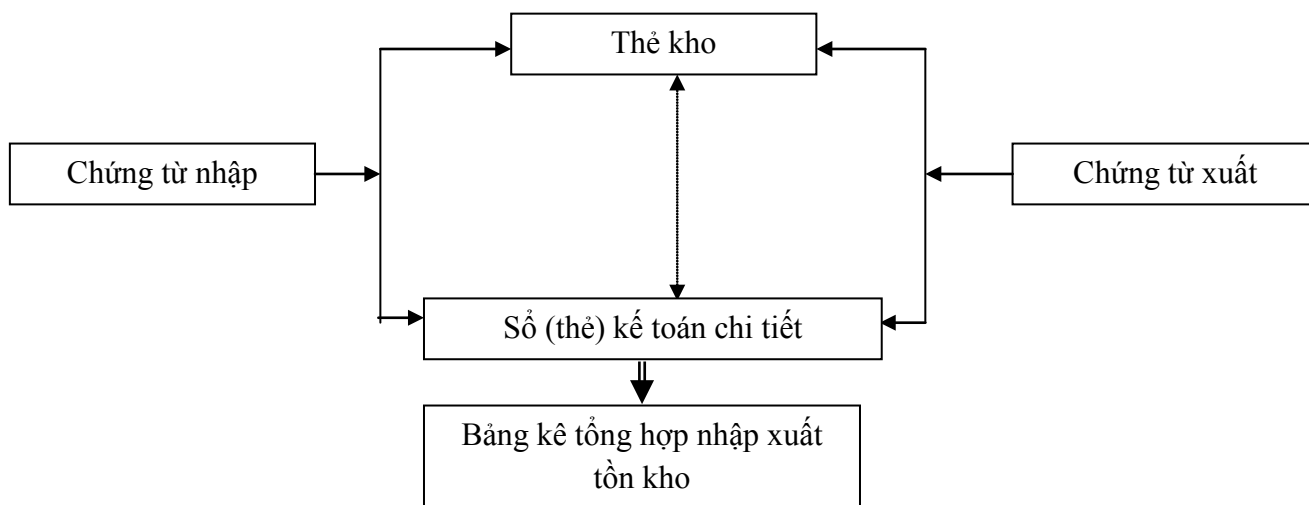
\* Trình tự ghi chép

- Ở kho: khi nhận được các chứng từ nhập xuất vật liệu, công cụ dụng cụ thủ kho phải kiểm tra tình hợp lý hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép sổ thực nhập, thực xuất vào chứng từ và vào thẻ kho. Cuối ngày thủ kho tình ra số tồn kho ghi luôn vào thẻ kho. Định kỳ thủ kho gửi về phòng kế toán hoặc kế toán xuống tận kho nhận chứng từ (các chứng từ nhập xuất vật tư đã được phân loại).

Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn kho với số vật liệu thực tế tồn kho, thường xuyên đối chiếu số dư vật liệu với định mức dự trữ vật liệu và cung cấp tình hình này cho bộ phận quản lý vật liệu được biết để có quyết định xử lý.

- Ở phòng kế toán: phòng kế toán mở sổ (thẻ) chi tiết vật liệu có kết cấu giống như thẻ kho nhưng thêm các cột để theo dõi cả chỉ tiêu giá trị. Khi nhận được chứng từ nhập xuất do thủ kho gửi lên, kế toán vật liệu phải kiểm tra chứng từ, ghi đơn giá và tính thành tiền trên các chứng từ nhập xuất kho vật liệu sau đó ghi vào sổ (thẻ) hoặc sổ chi tiết vật liệu liên quan.

Cuối tháng kế toán vật liệu cộng sổ (thẻ) chi tiết để tính ra tổng số nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu đối chiếu với sổ (thẻ) kho của thủ kho. Ngoài ra để có số liệu đối chiếu với kế toán tổng hợp thì cần phải tổng hợp số liệu kế toán chi tiết từ các sổ chi tiết vào bảng tổng hợp nhập xuất tồn theo từng nhóm, từng loại vật tư.



**Sơ đồ 1.1: hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song**

**Ghi chú:** —→ Ghi hàng ngày  
 ==> Ghi cuối ngày  
 <--> Đối chiếu kiểm tra

\* Ưu nhược điểm và phạm vi áp dụng

- Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu  
 - Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Ngoài ra việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế khả năng kiểm tra kịp thời của kế toán

- Phạm vi áp dụng: áp dụng thích hợp trong các Doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, khối lượng nghiệp vụ nhập xuất ít, không thường xuyên và trình độ chuyên môn của cán bộ còn hạn chế.

*1.2.2.2. Phương pháp đối chiếu sổ luân chuyển.*

\* Nguyên tắc hạch toán:

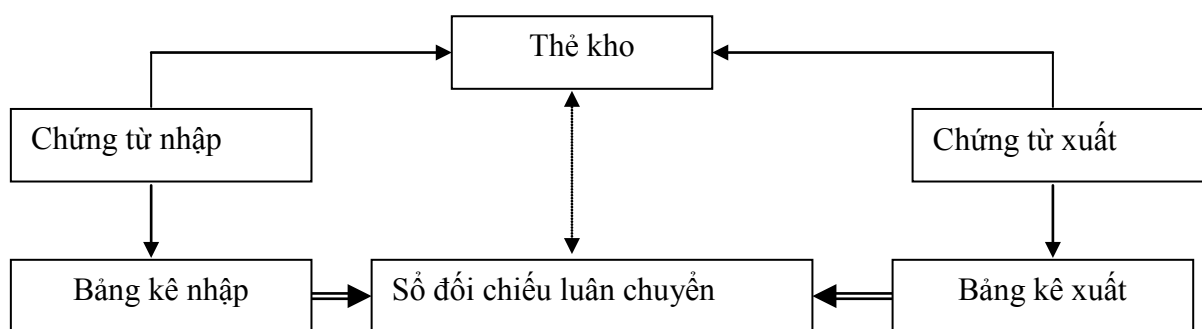
- Ở kho: việc ghi chép ở kho của thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho và chỉ ghi chép về tình hình biến động của vật liệu về mặt số lượng.

- Ở phòng kế toán: sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để ghi tổng hợp về số lượng và giá trị của từng loại vật liệu nhập xuất tồn kho trong tháng.

\* Trình tự ghi chép:

- Ở kho: theo phương pháp đối chiếu luân chuyển thì việc ghi chép của thủ kho cũng được tiến hành trên thẻ kho như phương pháp thẻ song song.

- Ở phòng kế toán: kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho của từng loại vật tư ở từng kho. Sổ được mở cho cả năm nhưng mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán phải lập bảng kê nhập, bảng kê xuất trên cơ sở các chứng từ nhập xuất thủ kho gửi lên. Sổ đối chiếu luân chuyển cũng được theo dõi cả về chỉ tiêu khối lượng và chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và với số liệu của sổ kế toán tổng hợp.



**Sơ đồ 1.2: hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển**

- Ghi chú:**  $\longrightarrow$  Ghi hàng ngày  
 $\Longrightarrow$  Ghi cuối ngày  
 $\longleftrightarrow$  Đối chiếu kiểm tra

\* Ưu nhược điểm và phạm vi áp dụng:

- Ưu điểm: khối lượng phạm vi ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

- Nhược điểm: việc ghi sổ vẫn trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu hiện vật và phòng kế toán cũng chỉ tiến hành kiểm tra đối chiếu vào cuối tháng do đó hạn chế tác dụng của kiểm tra.

**1.2.2.3. Phương pháp sổ số dư**

\* Nguyên tắc hạch toán:

- Ở kho: thủ kho chỉ theo dõi tình hình nhập xuất vật liệu theo chỉ tiêu hiện vật.

- Ở phòng kế toán: theo dõi tình hình nhập xuất vật liệu theo từng nhóm, từng loại vật liệu theo chỉ tiêu giá trị.

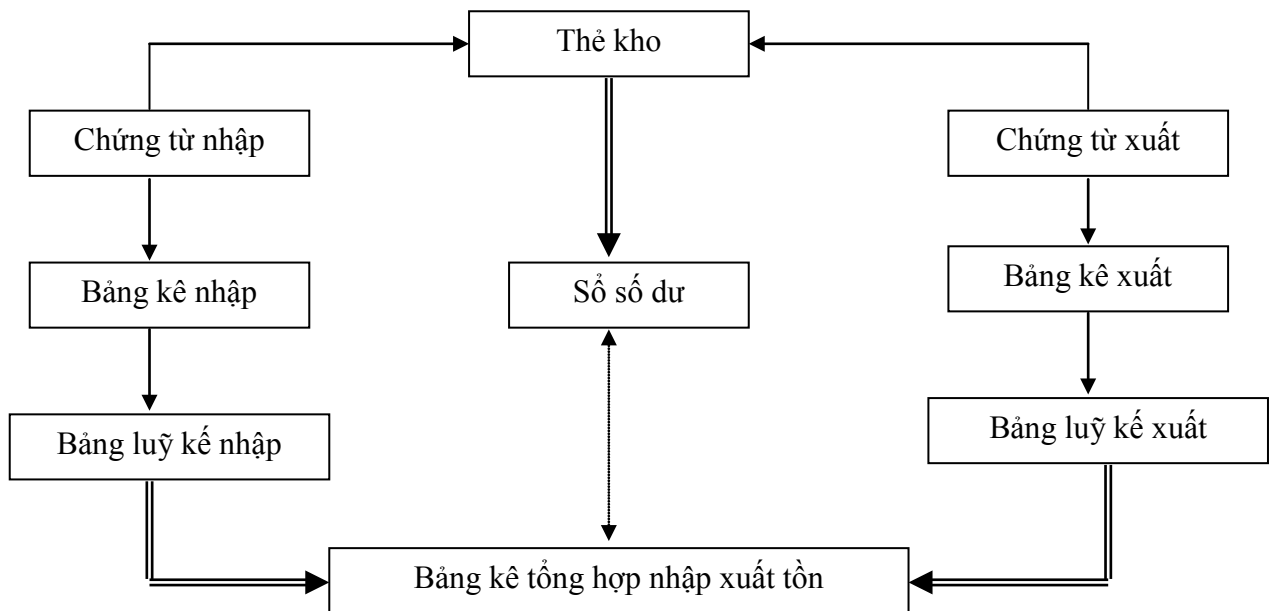
\* Trình tự ghi chép:

- Ở kho: thủ kho cũng ghi thẻ kho giống như các trường hợp trên. Nhưng cuối tháng phải tính ra số tồn kho rồi ghi vào cột số lượng của sổ số dư.

- Ở phòng kế toán: kế toán mở sổ số dư theo từng kho. Sổ dùng cho cả năm để ghi chép tình hình nhập xuất. Từ các bảng kê nhập, bảng kê xuất kế toán lập bảng lũy kế nhập, lũy kế xuất, rồi từ các bảng lũy kế lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn theo từng nhóm từng loại vật tư theo chỉ tiêu giá trị.

Cuối tháng, khi nhận sổ số dư do thủ kho gửi lên kế toán căn cứ vào số tồn cuối tháng, áp giá hạch toán tính ra giá trị tồn kho để ghi vào cột số tiền trên sổ số dư.

Việc kiểm tra đối chiếu được căn cứ vào cột số tiền tồn kho trên sổ số dư và bảng kê tổng hợp nhập xuất tồn (cột số tiền) và đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp.



**Sơ đồ 1.3: kế toán chi tiết vật tư theo phương pháp sổ số dư**

- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày
  - ==→ Ghi cuối ngày
  - ↔ Đối chiếu kiểm tra

\* Ưu nhược điểm và phạm vi áp dụng:

- Ưu điểm: tránh được sự ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép kế toán, công việc được tiến hành đều trong tháng.

- Nhược điểm: do kế toán chỉ ghi theo mặt giá trị nên muốn biết được số hiện có và tình hình tăng giảm về mặt hiện vật thì nhiều khi phải xem sổ của thủ kho mất

nhiều thời gian. Hơn nữa việc kiểm tra phát hiện sai sót nhầm lẫn giữa kho và phòng kế toán gặp khó khăn.

- Phạm vi áp dụng: áp dụng thích hợp trong các Doanh nghiệp sản xuất có khối lượng các nghiệp vụ ghi chép nhập xuất nhiều, thường xuyên, có nhiều chủng loại vật tư và áp dụng với Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư; trình độ chuyên môn của kế toán đã vững vàng.

### **1.2.3. Chứng từ sổ sách sử dụng**

Hệ thống chứng từ, sổ sách về NVL, CCDC trong các doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ tài chính bao gồm:

<b>Chứng từ</b>	<b>Sổ sách</b>
Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho	Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm
Biên bản kiểm kê vật tư	Bảng cân đối nhập- xuất- tồn
Thẻ kho	Sổ đối chiếu luân chuyển
Phiếu đề nghị cấp vật tư	...
Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng	...

### **1.2.4. Tài khoản sử dụng**

Đề hạch toán tổng hợp NVL, kế toán sử dụng tài khoản sau

TK 152: nguyên vật liệu

Công dụng: Dùng để phản ánh giá trị hiện có, tình hình biến động tăng giảm các loại nguyên liệu vật liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

<b>Nợ</b>	<b>TK 152- Nguyên vật liệu</b>	<b>Có</b>
SDĐK: Trị giá thực tế NVL hiện có đầu kỳ		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá thực tế của NVL nhập kho trong kỳ (do mua ngoài, do mua ngoài, tự chế biến, nhận góp vốn...)</li> <li>- Trị giá thực tế NVL phát hiện thừa khi kiểm kê</li> <li>- Trị giá thực tế NVL tăng do đánh giá lại.</li> <li>- Trị giá phế liệu thu hồi được khi giảm giá</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá thực tế NVL xuất dùng trong kỳ</li> <li>- Trị giá NVL phát hiện thiếu khi kiểm kê.</li> <li>- Trị giá thực tế NVL giảm do đánh giá lại.</li> <li>- Trị giá NVL trả lại người bán</li> </ul>
SDCK: Trị giá thực tế NVL hiện có cuối kỳ		
<p>Đề hạch toán tổng hợp CCDC, kế toán sử dụng tài khoản sau:</p> <p>TK 153: công cụ dụng cụ.</p> <p>Công dụng: Dùng để phản ánh giá trị hiện có, tình hình biến động tăng giảm các loại công cụ dụng cụ trong kho của doanh nghiệp.</p>		

<b>Nợ</b>	<b>TK 153- công cụ dụng cụ</b>	<b>Có</b>
SDĐK: Trị giá thực tế CCDC hiện có đầu kỳ		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá thực tế của CCDC nhập kho trong kỳ (do mua ngoài, do mua ngoài, tự chế biến, nhận góp vốn...)</li> <li>- Trị giá thực tế CCDC phát hiện thừa khi kiểm kê</li> <li>- Trị giá thực tế CCDC tăng do đánh giá lại.</li> <li>- Trị giá phế liệu thu hồi được khi giảm giá</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá thực tế CCDC xuất dùng trong kỳ</li> <li>- Trị giá CCDC phát hiện thiếu khi kiểm kê.</li> <li>- Trị giá thực tế CCDC giảm do đánh giá lại.</li> <li>- Trị giá CCDC trả lại người bán</li> </ul>
SDCK: Trị giá thực tế CCDC hiện có cuối kỳ		
<p>Ngoài ra, kế toán còn sử dụng một số tài khoản sau:</p> <p>TK 151 - Hàng mua đang đi đường</p> <p>TK 331 – Phải trả cho người bán</p> <p>Tài khoản 133” Thuế GTGT được khấu trừ”.</p> <p>Tài khoản 142” chi phí trả trước”</p> <p>....</p>		



**1.2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.**

Là phương pháp theo dõi, phản ánh thường xuyên, liên tục có hệ thống tình hình nhập xuất tồn kho vật tư hàng hóa trên sổ sách kế toán.

**1.2.5.1. Kế toán tăng NVL, CCDC.****a. Mua NVL, CCDC trong nước**

Trường hợp 1: Hàng mua và hóa đơn cùng về.

- Đối với DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Nợ TK 152,153    giá mua chưa thuế

Nợ TK 133    thuế GTGT

Có TK 111,112,331    giá thanh toán

- Đối với DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Nợ TK 152,153    giá thanh toán

Có TK 111,112,331    giá thanh toán

Trường hợp 2: hóa đơn về nhưng hàng mua chưa về.

Nợ TK 151:    hàng mua đang đi đường

Nợ TK 133:

Có TK 111,112,331

Tháng sau khi có hàng về căn cứ vào hóa đơn và phiếu nhập kho, kế toán ghi:

Nợ TK 152, 153

Có TK 151

Trường hợp 3: hàng về nhưng hóa đơn chưa về (ghi giá tạm tính)

Nợ TK 152, 153    giá tạm tính chưa có thuế GTGT

Nợ TK 133    thuế GTGT trên giá tạm tính

Có TK 111,112,331    giá tạm tính có thuế GTGT.

Khi hóa đơn về: Nếu giá tạm tính > giá ghi trên hóa đơn

Nợ TK 111,112,331

Có TK 152, 153

Có TK 133

Nếu giá tạm tính < giá ghi trên hóa đơn

Nợ TK 152, 153

Nợ TK 133

Có TK 111,112,331

*b. Nhập khẩu NVL, CCDC*

Nợ TK 152, 153 giá nhập khẩu + thuế nhập khẩu

Có TK 111,112,331 số tiền thanh toán cho người bán

Có TK 3333 thuế nhập khẩu

Thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp

Nợ TK 133

Có TK 33312

Nộp thuế vào kho bạc nhà nước

Nợ TK 3333

Nợ TK 33312

Có TK 111,112

Chịu thuế theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế

Nợ TK 152,153

Có TK 33312

*c. Nhập kho NVL để chế biến hoặc thuê ngoài gia công chế biến*

Nợ TK 152, 153

Có TK 154 chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

*d. Nhận góp vốn liên doanh, nhận lại vốn góp liên doanh bằng vật tư, hàng hóa*

Nợ TK 152, 153

Có TK 411 nếu nhận vốn góp

Có TK 222,228 nếu nhận lại vốn đã góp

*e. Các khoản chi phí thu mua, vận chuyển, bốc xếp NVL và CCDC*

Nợ TK 152,153

Nợ TK 133

Có TK 111,112,331,141

*f. NVL phát hiện thừa khi kiểm kê*

Trường hợp NVL của đơn vị khác

Khi phát hiện thừa thì ghi đơn: Nợ TK 002

Khi trả lại ghi: Có TK 002

Trường hợp NVL của đơn vị mà chưa rõ nguyên nhân

Nợ TK 152, 153

Có TK 3381

Xử lý

Nợ TK 3381

Có TK 411,711

Nếu nhập luôn số nguyên, vật liệu thừa, khi nhập kho kế toán ghi :

Nợ TK 152,153 : Trị giá thực tế nguyên, vật liệu nhập kho

Nợ TK 133 : Thuế GTGT (nếu có)

Có TK 111 : Tổng giá thanh toán bằng tiền mặt

Có TK 112 : Tổng giá thanh toán bằng TGNH

Có TK 1411 : Tổng giá thanh toán bằng tiền tạm ứng

Có TK 331 : Tổng giá thanh toán chưa trả người bán

Có TK 3388 : Trị giá vật liệu thừa

Khi có quyết định giải quyết số nguyên, vật liệu thừa, mua luôn số thừa :

Nợ TK 3388 : Trị giá nguyên, vật liệu thừa

Nợ TK 133 : Thuế GTGT liên quan đến nguyên liệu thừa

Có TK 111 : Thanh toán bổ sung bằng tiền mặt

Có TK 112 : Thanh toán bổ sung bằng TGNH

Có TK 331 : Thanh toán bổ sung phải trả người bán

Trả lại người bán :

Nợ TK 3388 : Trị giá nguyên, vật liệu thừa

Có TK 152, 153 : Trị giá nguyên, vật liệu thừa

*1.2.5.2. Kế toán giảm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.*

a. Xuất dùng cho sản xuất

Nợ TK 621 nguyên vật liệu chính

Nợ TK 627 sản xuất chung

Nợ TK 641 dùng cho bán hàng

Nợ TK 642 quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 241 dùng cho XDCB, sửa chữa TSCĐ

Nợ TK 154 xuất vật tư gia công chế biến

Có TK 152, 153 giá trị NVL xuất kho

b. Xuất kho vật liệu nhượng bán

Nợ TK 632 giá vốn hàng bán

Có TK 152, 153

c. Xuất kho NVL, CCDC góp vốn liên doanh

Nếu giá do hội đồng liên doanh đánh giá lớn hơn giá thực tế xuất kho

Nợ TK 128,222 giá do hội đồng liên doanh đánh giá

Có TK 152, 153 giá xuất kho

Có TK 412 mức chênh lệch

Nếu giá do hội đồng liên doanh đánh giá thấp hơn giá thực tế xuất kho

Nợ TK 128,222 giá do hội đồng liên doanh đánh giá

Nợ TK 412 mức chênh lệch

Có TK 152,153 giá xuất kho

d. NVL mua về nhập kho nhưng không đảm bảo chất lượng đem trả lại người bán

Nợ TK 111,112,331

Có TK 152, 153

Có TK 133

e. Khi kiểm kê phát hiện thiếu chưa rõ nguyên nhân, chờ xử lý

Nợ TK 1388, 334,111

Nợ TK 632

Có TK 152, 153

#### *1.2.5.3. Kế toán giảm công cụ dụng cụ.*

Các phương pháp phân bổ giá trị công cụ, dụng cụ :

Phương pháp 1: Phân bổ một lần l

Những công cụ, dụng cụ có giá trị nhỏ, thời gian sử dụng ngắn, khi xuất dùng toàn bộ giá trị công cụ, dụng cụ được hạch toán vào đối tượng sử dụng :

Nợ TK 627 : Chi phí chế biến phát sinh tại bộ phận quản lý

Nợ TK 641 : Chi phí chế biến phát sinh tại bộ phận bán hàng

Nợ TK 642 : Chi phí chế biến phát sinh tại bộ phận quản lý DN

Nợ TK 241 : Chi phí sản xuất ở bộ phận đầu tư XD CB

Có TK 153 : Trị giá công cụ, dụng cụ xuất kho

Phương pháp 2 : Phân bổ nhiều lần

• Khi xuất công cụ, dụng cụ loại phân bổ nhiều lần sử dụng cho sản xuất kinh doanh

Nợ TK 142 ( 242 ) : Chi phí trả trước

Có TK 153 : Giá trị công cụ, dụng cụ

• Số phân bổ từng lần vào các đối tượng sử dụng:

Nợ TK 627 : Chi phí quản lý phân xưởng

Nợ TK 641 : Chi phí bán hàng

Nợ TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 142 (242) : Chi phí trả trước

*1.2.5.4. Kế toán lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.*

Kế toán sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”:

*Bên Nợ:* Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

*Bên Có:* Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

Nợ TK 632 giá vốn hàng bán

Có TK 159 dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Sang năm nếu số dự phòng mới lớn hơn số đã lập, ghi bổ sung:

Nợ TK 632

Có TK 159 Giá trị bổ sung

Trường hợp số dự phòng mới nhỏ hơn số đã lập, kế toán phải hoàn nhập:

Nợ TK 159 số chênh lệch

Có TK 632

## **Chương 2**

# **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUYNEL HƯƠNG THỦY**

### **2.1. Tình hình cơ bản của công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy.**

#### **2.1.1. *Khái quát quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy***

Căn cứ quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 13 tháng 2 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế V/v cho công ty cổ phần Hương Thủy thuê đất để xây dựng nhà máy gạch tuynel Phú Bài

Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Hương Thủy.

Căn cứ vào nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh.

Căn cứ quyết định số 129/QĐ-TC ngày 14 tháng 11 năm 2006 của chủ tịch HĐQT công ty V/v phê duyệt dự án nhà máy gạch tuynel Phú Bài.

Căn cứ quyết định số 84/QĐ-TC ngày 14 tháng 5 năm 2007 của công ty cổ phần Hương Thủy V/v thành lập nhà máy gạch tuynel Phú Bài.

Căn cứ vào biên bản họp đại hội cổ đông bất thường số 05/BB-ĐHCĐBT ngày 08 tháng 1 năm 2008 của công ty cổ phần Hương Thủy V/v nhất trí góp 819.000 cổ phần chiếm 75,82% vốn điều lệ tham gia thành lập công ty cổ phần gạch tuynel Hương Thủy.

+ Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Gạch Tuynel Hương Thủy

+ Tên viết tắt: HB-TB.Co

Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

+ Trụ sở đăng ký của Công ty là: Khu 8- thị trấn Phú Bài huyện Hương Thủy-tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hiện nay là tổ 6, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vốn điều lệ: 16.000.000.000 đồng

Hình thức sử dụng vốn: cổ phần

Công ty có thể thành lập chi nhánh và mở văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

### **2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và vị trí của Công ty đối với nền kinh tế**

#### **2.1.2.1. Chức năng của Công ty**

Tổ chức kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng vật liệu xây dựng từ đất sét, bán buôn gạch ngói, cát, sỏi, bán lẻ xi măng và một số mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống của nhân dân.

- Tổ chức lưu thông hàng hoá từ các nguồn hàng trong và ngoài tỉnh đến lĩnh vực tiêu dùng.

- Chủ động nắm giữ hàng kinh doanh trong những lúc cao điểm, góp phần ổn định giá cả thị trường, tạo điều kiện ổn định đời sống nhân dân.

- Khai thác tiềm năng về lao động, tiền vốn vật tư sản xuất, chế biến hàng hoá, mở rộng quan hệ hợp tác, trao đổi hàng hoá với các tỉnh bạn trong nước.

#### **2.1.2.2. Nhiệm vụ của Công ty**

Không để thất thoát vật tư, tiền vốn, tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ trên sổ sách kế toán, thống kê hàng tháng, quý, năm để có quyết toán chính xác.

Đáp ứng đầy đủ, nhanh chóng nhu cầu hàng hoá, vật tư, nguyên liệu phục vụ yêu cầu tiêu dùng, sản xuất kinh doanh.

Khi kinh doanh phải mang lại hiệu quả kinh tế cao, tích lũy và bảo tồn vốn kinh doanh, nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên. Đơn vị có trách nhiệm cung ứng đầy đủ hàng hoá của các cửa hàng, quầy hàng buôn bán, giám sát thị trường, nhanh nhạy với mọi diễn biến phức tạp của thị trường để điều chỉnh giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của mọi người lao động.

Trên cơ sở tổ chức kinh doanh ngày càng phát triển, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật quy định, góp phần bình ổn giá cả, phục vụ tốt nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn trong và ngoài tỉnh.

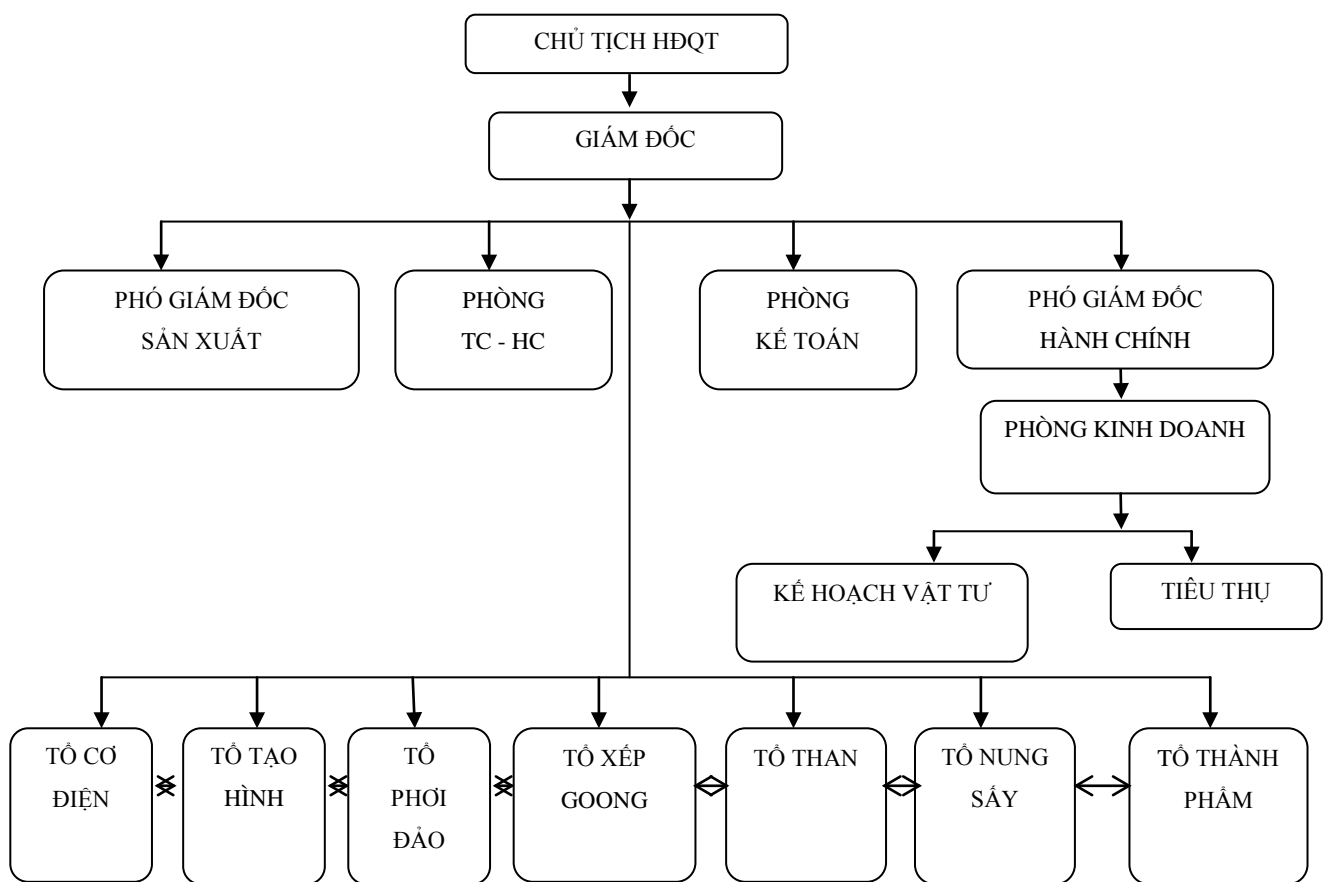
*Tóm lại:* Để thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh, ban giám đốc và toàn bộ cán bộ công nhân viên phải năng động, đồng sức đồng lòng phát huy sức mạnh tập thể tạo ra nguồn hàng phong phú chủng loại, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng,

đem lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần thúc đẩy Công ty sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển.

**2.1.3. Đặc điểm tổ chức của công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy**

**2.1.3.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý**

Với tính chất gọn nhẹ, hiệu quả, tùy điều kiện và khả năng kinh doanh của Công ty trong thời kỳ tăng trưởng để bố trí lao động và mở rộng quy mô kinh doanh của doanh nghiệp. Bộ máy Công ty được sắp xếp, bố trí thích ứng với tình hình kinh doanh và quản lý của Công ty. Bộ máy của Công ty được sắp xếp như sau:



**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty**

Chức năng, nhiệm vụ từng bộ phận:

Xuất phát từ đặc điểm nhiệm vụ công tác đã xây dựng bộ máy trực tuyến, các chức năng được phân chia cụ thể theo từng bộ phận. Công ty tổ chức bộ máy hoạt động theo sơ đồ và quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ, điều hành theo việc phân công và chịu trách nhiệm hoạt động trực tiếp của giám đốc.



- *Chủ tịch hội đồng quản trị*: Là người đứng đầu đại diện cho toàn thể cổ đông, thay mặt cổ đông giám sát hoạt động của Công ty, chịu trách nhiệm trước cổ đông về mọi quyền lợi của cổ đông.

- Ban giám đốc gồm 01 giám đốc và 02 phó giám đốc.

+ *Giám đốc*: Là người điều hành hoạt động kinh doanh theo chiến lược của Chủ tịch hội đồng quản trị vạch ra, đại diện pháp nhân của Công ty, là người ra quyết định và chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và trước pháp luật của Nhà nước. Là người lãnh đạo trực tiếp các phó giám đốc, phòng tổ chức hành chính, theo dõi mọi hoạt động của công ty qua tham mưu.

+ *Phó giám đốc*: Bao gồm

\* Phó giám đốc sản xuất: chịu sự lãnh đạo trực tiếp của giám đốc, giúp giám đốc về sản xuất, phụ trách công tác kỹ thuật, điều hành trực tiếp phòng sản xuất – kinh tế, các phân xưởng và tổ cơ điện.

\* Phó giám đốc hành chính: chịu sự lãnh đạo trực tiếp của giám đốc, giúp giám đốc về kinh doanh, trực tiếp ký hợp đồng, chỉ đạo phòng kế toán và phòng kinh doanh

- *Phòng kế toán*:

➤ Chức năng: Tham mưu cho giám đốc công ty về công tác quản trị, hạch toán các nguồn vốn hoạt động của Công ty.

➤ Nhiệm vụ: Thực hiện kiểm tra ghi chép sổ sách đúng chế độ kế toán thống kê định kỳ, xây dựng và kiểm tra kế hoạch tài chính, quản lý kế toán thống kê định kỳ, quản lý bảo quản và phát triển vốn, cân đối thu chi và hạch toán lãi lỗ. Trong sản xuất kinh doanh giám sát và quản lý toàn bộ tài sản, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân tích hoạt động kinh doanh thông qua việc ghi chép tính toán và phản ánh chính xác về tình hình sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn của Công ty. Lập đầy đủ và gửi báo cáo kế toán đầu kỳ theo thời gian qui định của Nhà nước, tổ chức bảo quản lưu trữ tài liệu sổ sách kế toán một cách khoa học.

- *Phòng tổ chức hành chính*:

➤ Chức năng: Tham mưu cho giám đốc về việc tổ chức sắp xếp lao động hợp lý, quản lý cán bộ công nhân viên, theo dõi lưu trữ hồ sơ tài liệu, thanh toán giải quyết các

chế độ chính sách của người lao động, điều hành công việc của cơ quan, làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi đua, khen thưởng, kỉ luật, công tác bảo vệ Công ty

➤Nhiệm vụ: Xây dựng các phương án trình giám đốc công ty về công tác tổ chức, đào tạo cán bộ công tác lao động và định mức tiền lương. Xây dựng các nội quy, quy chế về quản lý nhân sự, kỷ luật lao động, các giao dịch đối nội, đối ngoại.

- *Phòng kinh doanh:*

➤Chức năng: Tham mưu cho giám đốc về chính sách thị trường, công tác quảng cáo tiếp thị hệ thống phân phối sản phẩm, mẫu mã sản phẩm trên thị trường. Nhanh chóng nắm bắt nhu cầu hàng hoá trên thị trường, lựa chọn những mặt hàng mới có chất lượng cao, giá cả hợp lí, mẫu mã đẹp, phù hợp với nhu cầu thị hiếu của nhân dân.

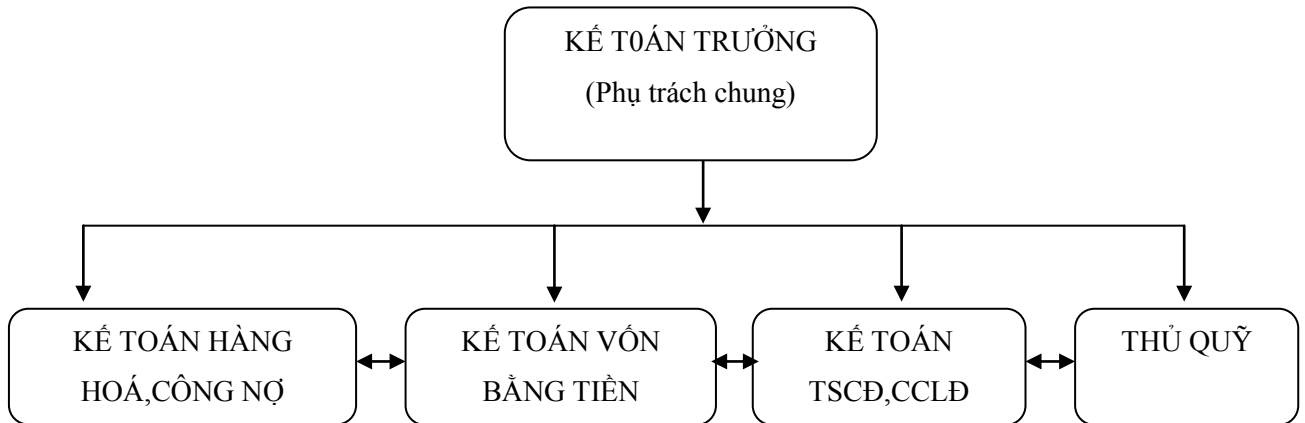
➤Nhiệm vụ: Do ban giám đốc trực tiếp chỉ đạo, có nhiệm vụ nghiên cứu thị trường, xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, lập phương án kinh doanh, soạn thảo hợp đồng kinh tế, thực hiện và theo dõi hợp đồng kinh tế, hợp đồng kinh doanh liên kết đại lí. Phòng kinh doanh giao nhiệm vụ cho các bộ phận liên quan, theo dõi việc thực hiện kế hoạch của các bộ phận và đánh giá hiệu quả thu được.

-*Trưởng ca*

➤Chức năng: Tham mưu cho giám đốc sản xuất quản lý vận hành thiết bị, điều hành quản lý nhân lực ở trong ca sản xuất

➤Nhiệm vụ: Trực tiếp quản lý nhân lực và các tổ sản xuất. Tổ chức thực hiện các biện pháp kỹ thuật, an toàn vệ sinh lao động và nhà máy. Phối hợp với phòng kỹ thuật, phòng công nghệ khắc phục sự cố trên dây chuyền sản xuất.

**2.1.3.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.**



**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty**

**Ghi chú:**   
 → Quan hệ chỉ đạo   
 ↔ Quan hệ đối chiếu

**♦ Chức năng của từng bộ phận:**

- *Kế toán trưởng*: Là người tổ chức hoạt động tài chính, thống kê và kế toán các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, là giám sát viên của nhà nước về mặt tài chính đối với các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh do Công ty tiến hành.

+ Tham mưu Ban giám đốc tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với điều kiện hoạt động của Công ty và theo yêu cầu của ngành.

+ Tổ chức công tác hạch toán kinh doanh, hoàn thiện chế độ hạch toán theo yêu cầu của ngành và qui định hiện hành của Nhà nước.

+ Nghiên cứu đề xuất vận dụng các chính sách chế độ của Nhà nước, của ngành và điều kiện hoạt động của Công ty. Giải quyết các mối quan hệ đối nội, đối ngoại liên quan đến công tác tài chính của Công ty.

+ Tổ chức phổ biến hướng dẫn, thi hành các chế độ tài chính kế toán Nhà nước và các qui định của ngành cho các đơn vị cơ sở trong toàn Công ty.

+ Đảm bảo việc tổ chức chỉ đạo công tác tài chính trong toàn Công ty, trực tiếp kiểm soát kế hoạch kinh doanh trong toàn Công ty, đầu tư XD CB, tài chính phòng kế toán Công ty.

+ Kiểm duyệt các phiếu kế toán và các báo cáo kế toán, tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh, kiểm tra các dự toán chi tiêu, ký các phiếu thu, phiếu chi và các chứng từ liên quan đến tiền mặt.

- *Kế toán hàng hoá, công nợ:*

+ Theo dõi công nợ bán hàng phát sinh, tổng hợp công nợ bán hàng tại thời điểm báo cáo quyết toán, báo cáo công nợ nhanh hàng ngày.

+ Theo dõi nhập, xuất, tồn hàng hoá Công ty đang kinh doanh, hàng dự trữ quốc gia. Lập các mẫu báo cáo liên quan đến kho hàng hoá, hàng dự trữ quốc gia, hàng đại lí, hàng kí gửi và cá loại hàng hoá khác.

+ Lập biên bản đối chiếu công nợ đối với khách hàng, công nợ thanh toán đối với người bán, công nợ nội bộ ngành, theo dõi công tác cước phí vận chuyển cho khách hàng, tổ chức thu hồi công nợ.

+ Tổng hợp báo cáo kiểm kê định kì và đột xuất thuộc kho hàng.

- *Kế toán tài sản cố định, công cụ lao động :*

+ Theo dõi phản ánh toàn bộ TSCĐ hiện có và biến động TSCĐ trong toàn Công ty, phân tích tình hình trang bị, bảo quản và sử dụng TSCĐ, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

+ Tính khấu hao TSCĐ theo kỳ quyết toán, tính thuế vốn cố định khấu hao TSCĐ phải nộp vào ngân sách. Phân bổ khấu hao cho các đối tượng chịu chi phí, lập khấu hao cơ bản và sửa chữa lớn.

+ Lập các biểu báo cáo về tăng giảm TSCĐ, nguồn vốn cố định trong toàn Công ty, các hợp đồng XD CB, sửa chữa theo đúng qui định hiện hành.

+ Theo dõi phản ánh tình hình hiện có và biến động của các loại vật tư nội bộ, công cụ lao động nhỏ, lập thủ tục nhập xuất, mở sổ theo dõi chi tiết và hạch toán. Phân bổ giá trị công cụ lao động nhỏ cho các đối tượng chịu chi phí.

- *Kế toán vốn bằng tiền:*

+ Lập các chứng từ thu, thanh toán sau khi kiểm tra tính hợp lí, hợp lệ của các chứng từ có liên quan.

+ Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình có và sự biến động của các loại vốn bằng tiền, đối chiếu thường xuyên với các phần hành có liên quan.

+ Theo dõi các khoản tạm ứng, phải thu, phải trả. Đơn đốc thu hồi các khoản tạm ứng kịp thời.

+ Theo dõi phát hành séc, uỷ nhiệm, uỷ nhiệm chi, lập thủ tục chuyển tiền cho Tổng công ty theo qui định. Nộp kịp thời các khoản thuế, BHXH, kinh phí công đoàn, ...khi có thông báo.

+ Lưu giữ các văn bản có qui định theo chế độ thanh toán của Nhà nước, Công ty, các chứng từ thu chi tiền, thanh toán tạm ứng, chứng từ ngân hàng, séc và các chứng từ có liên quan.

- *Thủ quỹ:*

+ Thu, chi tiền mặt, ngân phiếu theo các chứng từ đã được kí duyệt.

+ Nộp kịp thời và đầy đủ tiền bán hàng vào ngân hàng, rút tiền mặt tại ngân hàng để chi phí, rút số dư tồn quỹ vào sổ sách hàng ngày, bảo đảm sự phù hợp giữa tiền mặt tồn quỹ thực tế và sổ sách.

+ Theo dõi tình hình thu nộp tiền hàng ngày của các cửa hàng xăng dầu để đơn đốc và phản ánh kịp thời cho lãnh đạo phòng.

+ Thực hiện tốt chế độ kiểm kê đột xuất và định kỳ quỹ tiền mặt, tín phiếu, kiểm tra khi thu chi tiền mặt, tránh xảy ra nhầm lẫn mất mát.

#### **2.1.4. Hình thức tổ chức kế toán**

Có 3 loại hình thức tổ chức kế toán bao gồm:

- Tổ chức theo hình thức tập trung.
- Tổ chức theo hình thức phân tán.
- Tổ chức theo hình thức nửa tập trung nửa phân tán.

Qua nghiên cứu các hình thức trên đồng thời dựa vào tình hình thực tế, Công ty đã lựa chọn hình thức kế toán nửa tập trung nửa phân tán.

#### **2.1.5. Hình thức kế toán tại Công ty**

##### **2.1.5.1. Hệ thống tài khoản kế toán**

Hiện tại, Công ty đang sử dụng hệ thống tài khoản kế toán áp dụng theo quyết định số 15/ 2006/ QĐ- BTC, ngày 20 tháng 3 năm 2006 về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, Công ty còn mở thêm một số tài khoản chi tiết theo từng kho hàng để giúp cho công tác quản lý tài sản có hiệu quả.

#### *2.1.5.2. Hệ thống chính sách kế toán áp dụng tại Công ty*

- *Niên độ kế toán*: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12.
- *Đơn vị tiền tệ*: Việt Nam đồng.
- *Phương pháp khấu hao*: Phương pháp đường thẳng.
- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*: Phương pháp KKTXX.
- *Phương pháp tính giá xuất kho*: Phương pháp BQGQ.
- *Chính sách tiền lương*: Lương khoán theo sản phẩm. Trả lương một lần chậm nhất là ngày 15 của mỗi tháng.
- *Phương pháp tính thuế GTGT*: Phương pháp khấu trừ.

#### *2.1.5.3. Hình thức sổ kế toán của Công ty*

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính với phần mềm kế toán Misa dựa trên hệ thống sổ của hình thức “Nhật ký chung”.

Khi hạch toán nghiệp vụ trên phần mềm máy tính, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên tất cả các sổ sách theo hình thức “Nhật ký chung”.

#### *2.1.5.4. Trình tự luân chuyển chứng từ:*

Hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh trên chứng từ gốc, nhân viên kế toán tiến hành phân loại chứng từ theo phần hành kế toán. Sau đó, kế toán các phần hành kiểm tra chứng từ rồi tiến hành định khoản, cập nhật vào máy tính theo bảng, biểu được thiết kế trên phần mềm kế toán Misa.

#### *2.1.6. Tình hình lao động tại Công ty*

Đây là một yếu tố quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

**Bảng 2.1: Tình hình lao động của Công ty ( 2011-2012-2013)**

Chuyên môn và trình độ	2011	2012	2013	2012/2011		2013/2012	
				+/-	%	+/-	%
<b>Phân theo trình độ sản xuất</b>							
Lao động trực tiếp sản xuất	175	180	176	5	2,86%	-4	-2,22%
Lao động gián tiếp quản lý	16	16	15	0	0,00%	-1	-6,25%
<b>Phân theo trình độ lao động</b>							
Đại học, cao đẳng	16	17	17	1	6,25%	0	0,00%
Trung cấp	10	9	10	-1	-10,00%	1	11,11%
Công nhân kỹ thuật	165	165	164	0	0,00%	-1	-0,61%
Chung toàn công ty	217	222	218	5	2,30%	-4	-1,80%

( Nguồn phòng kế toán)

Qua bảng trên cho ta thấy:

Qua 3 năm 2011, 2012, 2013 số lượng lao động trực tiếp sản xuất biến động, tăng 5 người, tương đương với 2,86% vào năm 2012 và giảm 4 người, tương đương giảm 2,22% vào năm 2013. Lao động gián tiếp quản lý giảm một người vào năm 2013. Tình hình nhân sự tuy có biến động nhưng không đáng kể, và chủ yếu rơi vào lao động sản xuất, có thể việc sản xuất bị ảnh hưởng bởi nền kinh tế suy thoái, tình hình tiêu thụ giảm nên sản xuất giảm.

Tính chung cho toàn Công ty, so với năm 2011, số lao động của năm 2012 tăng 2,3%, tương đương với 5 người, vào năm 2013 số lao động giảm 1,8%, tương đương giảm 4 người.

Phân theo trình độ lao động: qua bảng số liệu có thể thấy trình độ đại học cao đẳng tăng, điều đó chứng tỏ Công ty đã chú ý đến việc phát triển, đào tạo nguồn nhân lực, chú ý phát triển về chiều sâu. Từ việc phát triển này, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực, hoạt động hiệu quả hơn.

**2.1.7. Tình hình tài sản, nguồn vốn tại Công ty**

Tài sản và nguồn vốn là hai yếu tố quan trọng để doanh nghiệp đi vào hoạt động

Tài sản luôn là yếu tố quan trọng tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Quy mô của tài sản thể hiện khả năng tiềm lực kinh tế của doanh nghiệp.

Nguồn vốn kinh doanh là số vốn mà doanh nghiệp có để đảm bảo toàn bộ nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh được tiến hành liên tục và có hiệu quả.

Qua 2 bảng tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty trong 3 năm từ 2011-2013 có nhiều sự biến động, cụ thể:

- Về tài sản

Năm 2012 so với năm 2011 tài sản của Công ty giảm 1.204.976.039 đồng tương ứng giảm 3%, cụ thể như sau: tài sản ngắn hạn tăng 794.211.231 đồng tương ứng tăng 7%, tăng chủ yếu do tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho tăng. Tài sản dài hạn giảm 1.999.187.270 đồng tương ứng với giảm 8%, chủ yếu do tài sản cố định giảm.

Năm 2013 so với năm 2012 tình hình tài sản tiếp tục giảm 2.372.933.922 đồng cụ thể tài sản ngắn hạn giảm 24.186.0491 đồng tương ứng giảm 2%, tài sản dài hạn giảm 2.131.673.431 đồng tương ứng giảm 10%. Tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu là do các khoản phải thu ngắn hạn giảm 12%, tương đương với 198.166.744 đồng và tài sản ngắn hạn khác giảm 30.042.731 đồng.

- Về nguồn vốn

Nguồn vốn năm 2012 so với năm 2011 giảm nguyên nhân chính là do năm 2012 nợ phải trả tăng so với năm 2011 là 2.438.493.329 đồng tương ứng 55%. Trong khi đó, vốn chủ sở hữu lại giảm 3.643.469.368 đồng, tương ứng với giảm 12%.

Nguồn vốn năm 2013 giảm đi so với năm 2012 bởi nợ phải trả giảm 2.821.972.229 đồng do khách hàng trả tiền trước tăng, nguồn vốn chủ sở hữu năm 2013 tăng so với 2012 là 449.038.307 đồng tương ứng với 2%.



**Bảng 2.2: Bảng phân tích tình hình biến động tài sản tại Công ty qua các năm 2011-2012-2013**

(ĐVT: đồng)

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	2012/2011	2013/2012	2012/2011	2013/2012
(1)	(2)							
	<b>TÀI SẢN</b>							
<b>A</b>	<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	12.045.016.361	12.839.227.592	12.597.367.101	794.211.231	(241.860.491)	7%	-2%
<b>I</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110=111+112)</b>	530.450.491	621.699.302	799.987.229	91.248.811	178.287.927	17%	29%
<b>III</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + 133 + 134 + 135 + 139)</b>	3.308.863.803	1.688.839.654	1.490.672.910	(1.620.024.149)	(198.166.744)	-49%	-12%
1	1. Phải thu khách hàng	1.348.799.900	1.688.839.654	1.490.672.910	340.039.754	(198.166.744)	25%	-12%
<b>IV</b>	<b>IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)</b>	8.062.131.166	10.198.645.905	10.306.706.962	2.136.514.739	108.061.057	27%	1%
<b>B</b>	<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	23.723.112.966	21.723.925.696	19.592.852.265	(1.999.187.270)	(2.131.073.431)	-8%	-10%
<b>II</b>	<b>II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227 + 230)</b>	23.723.112.966	21.723.925.696	19.592.852.265	(1.999.187.270)	(2.131.073.431)	-8%	-10%
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	35.768.129.327	34.563.153.288	32.190.219.366	(1.204.976.039)	(2.372.933.922)	-3%	-7%

(Nguồn phòng kế toán)

**Bảng 2.3: Bảng phân tích tình hình biến động nguồn vốn tại Công ty qua các năm 2011-2012-2013**

(ĐVT: đồng)

	NGUỒN VỐN				2012/2011	2013/2012	%2012/2011	%2013/2012
<b>A</b>	<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310 + 330)	4.431.868.447	6.870.361.776	4.048.389.547	2.438.493.329	(2.821.972.229)	55%	-41%
<b>I</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b> (310 = 311 + 312 + ... + 319 + 320 + 323)	2.493.528.047	5.631.135.746	3.509.163.517	3.137.607.699	(2.121.972.229)	126%	-38%
2	2. Phải trả người bán	430.491.485	325.659.733	923.031.689	(104.831.752)	597.371.956	-24%	183%
3	3. Người mua trả tiền trước	309.471.115	1.271.205.009	641.844.654	961.733.894	(629.360.355)	311%	-50%
<b>II</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b> (330 = 331 + 332 + ... + 338 + 339)	1.938.340.400	1.239.226.030	539.226.030	(699.114.370)	(700.000.000)	-36%	-56%
4	4. Vay và nợ dài hạn	1.925.000.000	1.225.000.000	525.000.000	(700.000.000)	(700.000.000)	-36%	-57%
<b>B</b>	<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410 + 430)	31.336.260.880	27.692.791.512	28.141.829.819	(3.643.469.368)	449.038.307	-12%	2%
<b>I</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b> (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	31.336.260.880	27.692.791.512	28.141.829.819	(3.643.469.368)	449.038.307	-12%	2%
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	35.768.129.327	34.563.153.288	32.190.219.366	(1.204.976.039)	(2.372.933.922)	-3%	-7%

(Nguồn phòng kế toán)

**2.1.8. Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh tại Công ty**

Qua bảng kết quả kinh doanh của Công ty qua 3 năm ta thấy quá trình kinh doanh của Công ty biến động qua từng năm cụ thể:

Trong năm 2012 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty tăng 5.802.544.844 đồng tương ứng với 33%. Trong năm 2013 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 7.419.957.126 đồng tương ứng giảm 32%, trường hợp giảm doanh thu này là do ảnh hưởng từ nền kinh tế chung, doanh thu này của Công ty chủ yếu dựa vào những công trình nhỏ như xây, sửa sang nhà ở.

Giá vốn hàng bán vào năm 2013 giảm so với năm 2012 tương ứng với doanh thu, năm 2013 giảm 18% tương ứng với 2.786.419.212 đồng.

Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh của Công ty cũng thay đổi do ảnh hưởng của doanh thu bán hàng, cụ thể năm 2012/2011 tăng 5.205.983.586 đồng tương ứng tăng 235%, năm 2013/2012 giảm 4.633.537.914 đồng tương ứng giảm 62%.

Công ty đang thực hiện các biện pháp để cắt giảm chi phí, trong 2 năm, từ việc tăng chi phí bán hàng 3% vào năm 2012, Công ty đã giảm lại 228.479.715 đồng, tương ứng với giảm 25%. Năm 2012, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng so với năm 2011 là 25%, tăng 355.100.951 đồng, đến năm 2013 công ty đã cắt giảm 281.815.238 đồng, tương ứng với 16%.

Qua bảng số liệu có thể thấy tình hình kinh tế chung đã ảnh hưởng khá lớn đến hoạt động của Công ty, thị trường đóng băng làm giảm doanh thu, các chi phí như xăng, dầu, vật liệu,..đều tăng làm tăng chi phí. Tuy nhiên, trong thời kì khó khăn nhưng Công ty vẫn cố gắng dùng các biện pháp cắt giảm chi phí để thu được lợi nhuận ở hai năm gần đây, điều đó cho thấy những tín hiệu tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Lợi nhuận thuần của Công ty vào năm 2012 là 4.852.914.305 đồng, tăng 5.286.592.961 đồng. Vào năm 2013, lợi nhuận của Công ty là 540.196.459 đồng.

Trong 3 năm 2011-2013, Công ty luôn hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế TNDN và các khoản phải nộp đảm bảo các nguồn thu của ngân sách nhà nước. Kết quả kinh doanh của Công ty đạt được đã phản ánh sự nỗ lực của của cán bộ công nhân viên.

**Bảng 2.4: Bảng phân tích tình hình biến động kết quả sản xuất kinh doanh tại Công ty qua các năm 2011-2012-2013**

(ĐVT: đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	2012/2011	2013/2012	2012 /2011	2013 /2012
3	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	17.397.467.543	23.200.012.387	15.780.055.261	5.802.544.844	(7.419.957.126)	33%	-32%
4	Giá vốn hàng bán	15.178.955.016	15.775.516.274	12.989.097.062	596.561.258	(2.786.419.212)	4%	-18%
5	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	2.218.512.527	7.424.496.113	2.790.958.199	5.205.983.586	(4.633.537.914)	235%	-62%
8	Chi phí bán hàng	874.128.139	896.507.681	668.027.966	22.379.542	(228.479.715)	3%	-25%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.406.646.141	1.761.747.092	1.479.931.854	355.100.951	(281.815.238)	25%	-16%
10	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))</b>	(433.678.656)	4.852.914.305	540.196.459	5.286.592.961	(4.312.717.846)		
17	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	(485.402.747)	4.291.225.360	472.671.902	4.776.628.107	(3.818.553.458)		

(Nguồn phòng kế toán)

## **2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy**

### **2.2.1. Đặc điểm, phân loại, điều kiện bảo quản và tính giá nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty**

#### **2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty**

Công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy là một đơn vị sản xuất kinh doanh chuyên sâu về vật liệu xây dựng nên Công ty sử dụng rất nhiều loại nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, phong phú và đa dạng về chủng loại, độ phức tạp của kỹ thuật. Các nguyên vật liệu chính của Công ty gồm đất sét, than bùn, than đá,... các công cụ dụng cụ được sử dụng tại Công ty chủ yếu là công cụ lao động nhỏ, thời gian sử dụng ngắn (thường trong vòng một năm), sử dụng nguyên vật liệu tiết kiệm là một hướng để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

Sản phẩm chính của Công ty là gạch: gạch 6 lỗ, gạch thẻ, gạch nửa dùng để xây nhà,... do đó chất lượng công trình có được đảm bảo hay không một phần lớn phụ thuộc vào gạch có đảm bảo được chất lượng, do đó, việc kiểm tra nguyên vật liệu ở Công ty rất quan trọng, đảm bảo sản xuất ra sản phẩm đầy đủ quy chuẩn, chất lượng.

#### **2.2.1.2. Phân loại và điều kiện bảo quản nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty**

##### **a. Phân loại nguyên vật liệu.**

Do nguyên vật liệu ở Công ty rất đa dạng và khó bảo quản nên kế toán thường phân loại để dễ dàng kiểm soát:

- Nguyên vật liệu chính: là những thành phần chính hình thành nên sản phẩm gạch của Công ty như đất sét, than cám 6, than cám bùn, xỉ than cám...

- Nguyên vật liệu phụ: phụ gia, nước,...

- Nhiên liệu: dùng để cung cấp nhiệt cho quá trình sản xuất hay nhiên liệu cho quá trình vận chuyển như than tổ ong, điện, xăng, dầu diesel,...

- Phụ tùng thay thế: là những nguyên vật liệu cần để thay thế, sửa chữa bảo dưỡng cho các loại máy móc, thiết bị: lốp xe, xăm, lò xo, yếm, bạt, gương chiếu hậu..

- Phế liệu thu hồi: gạch mộc không đủ tiêu chuẩn, sắt phế liệu, giấy cacton,...

##### **b. Phân loại công cụ dụng cụ.**

Công ty chỉ sử dụng công cụ dụng cụ lao động: găng tay, áo quần bảo hộ lao động, khẩu trang,...ngoài ra còn một số công cụ sử dụng cho quản lý doanh nghiệp như chuột quang, phần mềm máy tính,...Đa số là công cụ dụng cụ nhỏ, thời gian sử dụng một năm.

c. Điều kiện bảo quản nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty.

➤ Đối với các nguyên vật liệu chính như đất sét, xỉ than, than cám,..do đặc điểm riêng nên không cần kho bảo quản như các loại nguyên vật liệu khác, tuy nhiên đòi hỏi phải có bãi, đất rộng để có thể chứa được một lượng lớn phục vụ cho sản xuất của doanh nghiệp.

➤ Đối với các loại cần bảo quản tránh hư hỏng, Công ty sử dụng nhà kho để chứa, bảo quản tránh các nguy hại từ môi trường.

➤ Nhà kho đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về tồn chứa, an toàn cho người lao động, vật tư. Thuận tiện cho việc tiếp nhận, bảo quản và cấp phát. Mỗi loại vật tư được để ở một vị trí nhất định. Thẻ vật tư phải treo đúng quy định cho từng loại vật tư và để ở nơi thuận tiện cho việc theo dõi, cấp phát.

➤ Vật tư phải được bố trí, sắp xếp gọn gàng.

➤ Trong kho có đầy đủ kệ chứa, giá đỡ, hệ thống ánh sáng, thông gió để bảo quản tốt.

➤ Kho có trang bị dụng cụ, thiết bị, nội quy, sơ đồ về phòng cháy chữa cháy.

### 2.2.1.3. Tính giá nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ

Việc tính giá nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy được thực hiện:

a. Tính giá nhập kho.

Nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ nhập kho tại Công ty được tính theo giá thực tế ghi trên hóa đơn và các chi phí thu mua:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{VL nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị ghi trên hóa đơn} \\ \text{( Chưa có thuế GTGT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua thực tế} \end{array}$$

**Ví dụ:** Ngày 07/06/2013, Công ty đã mua than cám của DNTN Nhật Tường theo hoá đơn số 0000522, đơn giá chưa có thuế GTGT là 1.090,91 đồng/kg , nhập kho

200.000 kg, thuế GTGT 10%. Sau khi có sự kiểm tra về số lượng và chất lượng, giá thực tế của than cám nhập kho là 1.090,91 đồng/kg. Không có chi phí thu mua.

$$\text{Giá nhập kho} = 1.090,91 \times 200.000 = 218.181.818 \text{ (đồng)}$$

**Ví dụ:** Ngày 19/04/2013, mua găng tay khẩu trang của Hồ Thị Huệ theo hóa đơn bán hàng số 0029235, nhập kho 500 đôi găng tay và 200 cái khẩu trang với đơn giá lần lượt là 5.000 đồng/đôi và 1.500 đồng/cái.

$$\text{Giá nhập kho} = 5.000 \times 500 + 200 \times 1.500 = 2.800.000 \text{ (đồng)}$$

b. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho.

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở Công ty được xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ. Theo phương pháp này giá thực tế bình quân chỉ được tính vào cuối kì kế toán, trong kì kế toán theo dõi nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ xuất ra theo số lượng.

Khi có nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu, kế toán dựa vào các phiếu yêu cầu đã phê duyệt để nhập liệu vào phần mềm kế toán Misa, không nhập liệu phần đơn giá, cuối kì kế toán, kế toán sử dụng phần mềm để xuất đơn giá xuất kho.

**Ví dụ:** ngày 30/04/2013 xuất kho than cám 6, xỉ than cám, đất sét vàng, than cám bùn để sản xuất gạch mộc theo phiếu xuất kho XK04/109.

Các loại công cụ dụng cụ của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ nhỏ, có thời gian sử dụng ngắn hơn một năm nên thường được phân bổ một lần vào chi phí trong kì.

**Ví dụ:** ngày 01/06/2013, xuất kho áo quần bảo hộ lao động, găng tay và khẩu trang để sản xuất theo phiếu xuất kho XK 06/05 ( thực hiện tương tự như đối với xuất kho nguyên vật liệu).

Đối với một số trường hợp như trả lại hàng mua, kế toán sẽ dựa vào chứng từ nhập kho để ghi nhận đơn giá xuất kho. Trường hợp này đơn giá xuất kho bằng với giá mua NVL, CCDC.

**Ví dụ:** ngày 30/06/2013, lô hàng than cám 6 nhập vào ngày 18/06/2013 theo phiếu nhập kho NK06/14 có 4.000 kg không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, do đó, sau khi lập biên bản kiểm nghiệm, Công ty gửi trả hàng cho người bán.

$$\text{Giá xuất kho} = \text{số lượng} \times \text{đơn giá nhập kho.}$$

$$\text{Giá xuất kho than cám} = 4.000 \times 1.090,91 = 4.363.640 \text{ (đồng)}$$

### **2.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty**

Hiện nay nguyên vật liệu đang là vấn đề quan tâm hàng đầu tại Công ty. Công ty đã thiết lập ra một quy trình thu mua NVL, CCDC để từ đó giảm chi phí thu mua góp phần hạ thấp CPSX hạ giá thành sản phẩm.

Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được áp dụng là phương pháp thẻ song song.

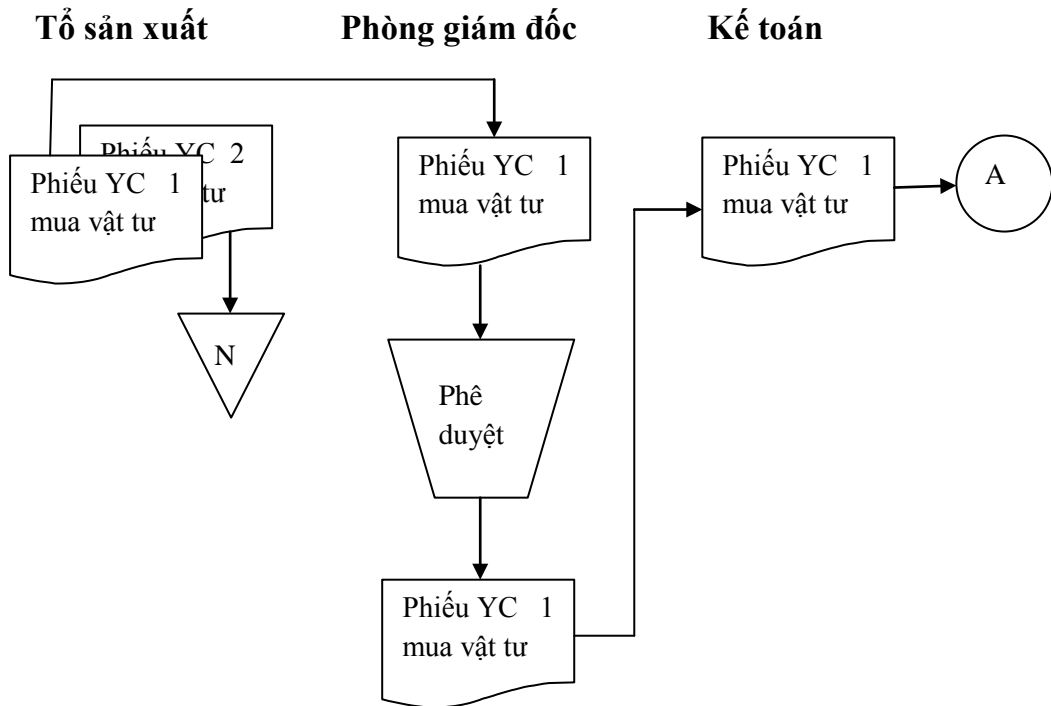
#### **2.2.2.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ**

Trong quá trình hoạt động, nếu có nhu cầu về NVL và CCDC, các tổ sản xuất lập phiếu yêu cầu mua vật tư gồm 2 liên, một liên lưu tại nơi lập, liên còn lại gửi lên giám đốc. Sau khi có sự tư vấn của phòng kỹ thuật, nếu chấp thuận, giám đốc phê duyệt, phiếu yêu cầu sẽ được gửi cho phòng kế toán. Bộ phận kế toán dựa vào phiếu yêu cầu liên hệ với nhà cung cấp để mua hàng. Khi hàng về, trước khi tiến hành nhập kho NVL, CCDC phải qua khâu kiểm nghiệm về số lượng, quy cách do ban kiểm nghiệm thuộc phòng kế hoạch vật tư thực hiện. Ban này kiểm tra nếu thấy NVL, CCDC đạt tiêu chuẩn thì kí xác nhận vào phiếu nhận hàng, không lập biên bản kiểm nghiệm ( trừ trường hợp mua hàng nhập thiếu, thừa so với quy định so với quy định hoặc sai quy cách chất lượng mới lập biên bản). Sau đó nhân viên giao hàng sẽ đem phiếu nhận hàng, hóa đơn xuống gặp thủ kho. Thủ kho căn cứ vào phiếu nhận hàng đã ký duyệt của ban kiểm nghiệm, tiến hành thủ tục ký xác nhận thực nhập. Sau đó, thủ kho đem hóa đơn và phiếu nhận hàng đã phê duyệt chuyển cho kế toán, kế toán nhập liệu vào phần mềm, xuất phiếu nhập kho sau khi có sự ký duyệt của người giao, thủ kho sẽ được đính kèm với hóa đơn, phiếu nhận hàng được chuyển lại cho bên bán làm căn cứ xác nhận.

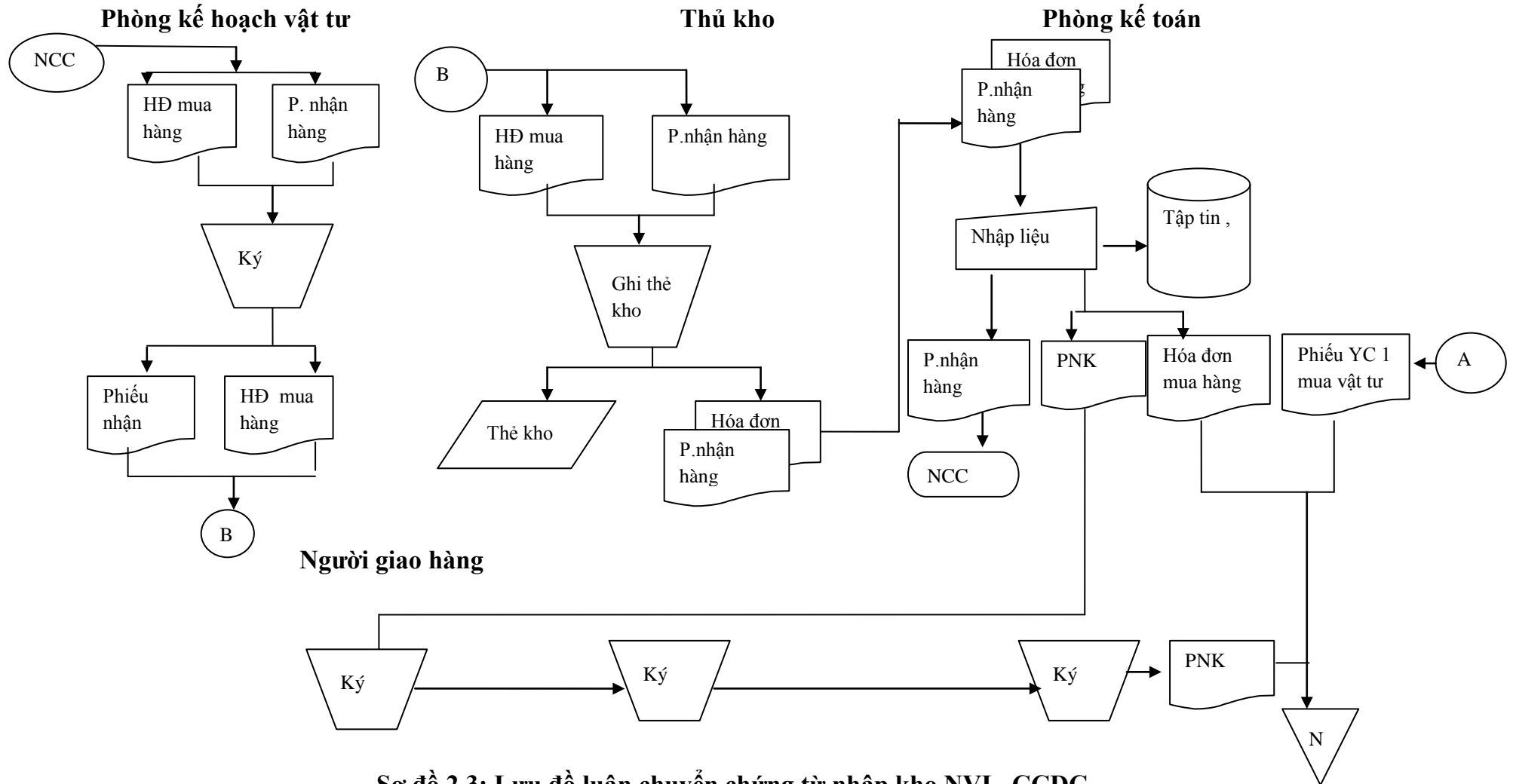


Lưu đồ lưu chuyển chứng từ được chia thành 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: trước quá trình mua hàng.



Giai đoạn 2: sau khi mua hàng.



Sơ đồ 2.3: Lưu đồ luân chuyển chứng từ nhập kho NVL, CCDC

**Ví dụ:** nghiệp vụ nhập kho than cám 6 từ DNTN Nhật Tường theo hóa đơn số 0000522, nhập kho 200.000 kg than cám 6 với đơn giá 1.090,91 đ/kg. Thuế GTGT 10%.

Theo kế hoạch sản xuất, các tổ viết phiếu yêu cầu mua vật tư để chuẩn bị cho đợt sản xuất tiếp theo.

**Biểu số 1: Phiếu yêu cầu mua vật tư hàng hóa**

Công ty CP gạch Tuynel Hương Thủy			B02.QT740-01		
Tổ 6- phường Phú Bài- TX Hương Thủy- TTH					
<b>PHIẾU YÊU CẦU MUA VẬT TƯ, HÀNG HÓA</b>					
Người yêu cầu: Phan Văn Nghiệp			Số: 68		
Đơn vị: Sản xuất					
Mục đích: xuất sản xuất gạch mộc.					
Stt	Tên vật tư, quy cách	Đvt	Số lượng	Ngày cần	Ghi chú
1	Than cám 6	Kg	200.000	15/06/2013	
2	...	...	...	...	...
Ngày 01 tháng 06 năm 2013					
Người duyệt		Kế toán		Người yêu cầu	

Sau khi nhận phiếu yêu cầu, kế toán liên hệ với nhà cung cấp để đặt hàng, khi giao hàng, hóa đơn sẽ được giao kèm với hàng hóa.

**Biểu số 2: Hóa đơn GTGT**

<b>HÓA ĐƠN GTGT</b>					
Liên 02(giao cho khách hàng)			Số 0000522		
Ngày 07 tháng 06 năm 2013					
Đơn vị bán hàng: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NHẬT TƯỜNG					
Địa chỉ: Thôn Tân Cảng, TT Thuận An, Phú Vang, Tỉnh Thừa Thiên Huế					
Số tài khoản: 2352566					
Điện thoại: (+84) 54.3866504			Ms: 3300360048		
Họ và tên người mua:					
Đơn vị: Công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy.					
Địa chỉ: Tổ 6- Phường Phú Bài- TX Hương Thủy- TT Huế					
Số tài khoản:					
Điện thoại			Ms 3300530275		
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền
1	Than cám 6	Tấn	200	1.090.909	218.181.818
Cộng tiền hàng:					218.181.818
Thuế GTGT: 10%					
Tiền thuế GTGT :					21.818.182
Tổng tiền thanh toán:					240.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bốn mươi triệu đồng chẵn.					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
(ký tên)		(ký tên)		(ký tên)	

Tại kho: sau khi nhận than cám, hóa đơn và phiếu nhận hàng đã được duyệt từ khâu kiểm tra, thủ kho tiến hành nhập kho và ghi nhận thẻ kho. Sau đó chuyển chứng từ lên phòng kế toán.

**Biểu số 3: Thẻ kho than cám 6**

Công ty CP gạch Tuynel Hương Thủy  
 Tổ 6- Phường Phú Bài , TX Hương Thủy -TT Huế

**THẺ KHO**  
 Ngày lập thẻ: 01/01/2013  
 Tờ số:01

- Tên nhãn hiệu,quy cách,vật tư: Than cám 6  
 - Đơn vị tính: kg

Số TT	Ngày Tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				<b>SDDK</b>				...	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
1	10/06	NK06/07		Nhập kho than cám 6	10/06	200.000		...	
2	...	...	...	....	...	...			
<b>Cộng</b>									

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Tại phòng kế toán: kế toán nhận chứng từ được chuyển lên từ kho gồm phiếu nhập hàng và hóa đơn, nhập liệu vào phần mềm kế toán để ghi nhận nghiệp vụ vào phần mềm, sau đó, phần mềm cập nhập vào phần hành kho, tạo lập phiếu nhập kho, sổ kế toán chi tiết và bảng kê nhập xuất tồn chi tiết cho từng loại NVL, CCDC nhập kho. Kế toán in phiếu nhập kho, giữ lại phòng kế toán chung với hóa đơn, phiếu yêu cầu mua vật tư, phiếu nhập hàng được giao lại cho người giao hàng. Trường hợp mua hàng trả tiền ngay cho nhà cung cấp hay tiền gửi ngân hàng thì phải kèm theo chứng từ: giấy đề nghị thanh toán, Ủy nhiệm chi, lệnh chi,...Toàn bộ chứng từ được đính kèm với nhau và lưu tại phòng kế toán.

**Biểu số 4: Phiếu nhập kho than cám 6.**

Công ty CP gạch Tuynel Hương Thủy  
 Tổ 6- Phường Phú Bài , TX Hương Thủy -TT Huế

**PHIẾU NHẬP KHO**      **Mẫu số 01-VT**

Ngày 10 tháng 06 năm 2013  
 Số NK06/07

Họ tên người giao hàng: Lê Đình Toàn  
 Theo HĐ số 0000522 ngày 10 tháng 06 năm 2013  
 Nhập tại kho: công ty CP gạch Tuynel Hương Thủy.  
 Địa điểm: Tổ 6- Phường Phú Bài , TX Hương Thủy -TT Huế

STT	Tên, quy cách sản phẩm vật tư, dụng cụ, hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Theo thực nhập		
1	Than cám 6	Tấn	200	200	1.090.909	218.181.818
	<b>Tổng cộng</b>					218.181.818

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm mười tám triệu một trăm tám mươi một ngàn tám trăm mười tám đồng chẵn.

<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người giao hàng</b>	<b>Thủ kho</b>	<b>Kế toán</b>
(ký tên)	(ký tên)	(ký tên)	(ký tên)

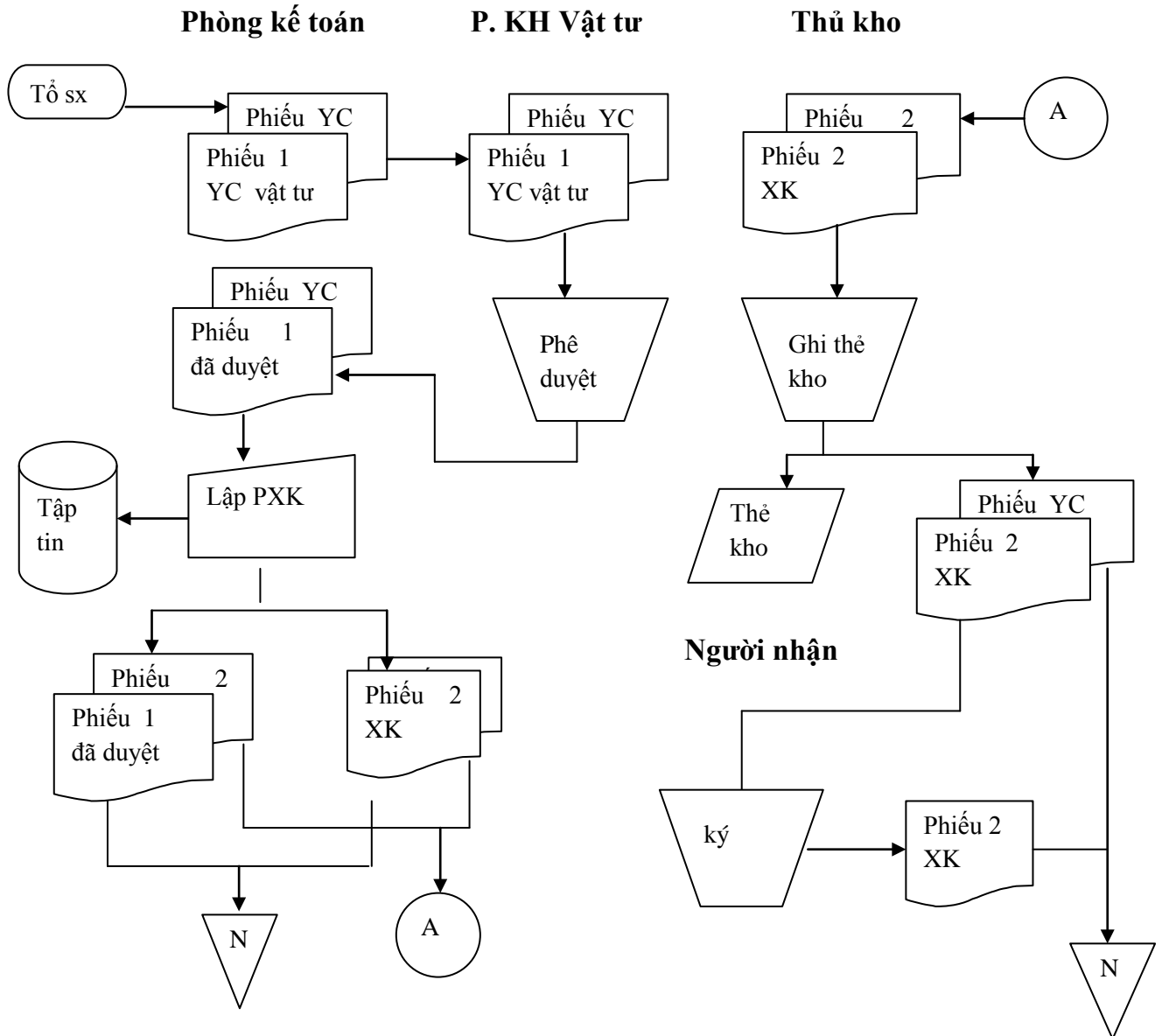
**Ví dụ:** ngày 30/04/2013. Công ty nhập kho 200 cái khẩu trang, 500 đôi găng tay, theo hóa đơn bán hàng số 0029235 ( **phụ lục 1**) từ Hồ Thị Huế với đơn giá 1500đ/ cái khẩu trang, 5000đ/ đôi găng tay. Thực hiện tương tự như nhập kho than cám 6.

*2.2.2.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.*

Khi bộ phận sản xuất có yêu cầu về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, bộ phận sẽ lập phiếu yêu cầu vật tư. Phiếu yêu cầu vật tư được lập 2 liên, sau đó phòng kế toán chuyển cho phòng kế hoạch vật tư phê duyệt, sau khi phê duyệt, một liên lưu lại phòng kế toán làm căn cứ nhập liệu, kế toán chỉ nhập liệu phần mã hàng, tài khoản đối ứng, số lượng và để trống phần đơn giá, sau khi nhập liệu, kế toán in phiếu xuất kho ( chưa bao gồm đơn giá) gồm 2 liên, một liên đính kèm với liên còn lại của phiếu yêu cầu để

chuyển qua thủ kho để làm căn cứ xuất NVL, CCDC, sau khi xuất, phiếu xuất và phiếu yêu cầu được lưu tại kho. Liên còn lại đính kèm phiếu yêu cầu vật tư lưu tại phòng kế toán.

**Lưu đồ chứng từ xuất kho**



**Sơ đồ 2.4: Lưu chuyển chứng từ xuất kho NVL, CCDC**

**Ví dụ:** ngày 30/04/2013, Công ty tiến hành sản xuất gạch, nguyên vật liệu chính là than cám 6, đất sét vàng, than cám bùn và xỉ than cám. Theo phiếu yêu cầu vật tư và phiếu xuất kho XK 04/109.

**Ví dụ:** ngày 01/06/2013, xuất kho áo quần bảo hộ lao động, găng tay, khẩu trang theo phiếu xuất kho XK 06/05 ( **phụ lục 2**), phiếu yêu cầu vật tư hàng hóa để tiến hành sản xuất. (Nhiệm vụ xuất kho CCDC tiến hành giống với NVL).

Khi chuẩn bị tiến hành sản xuất, các tổ viết các phiếu yêu cầu về vật tư cần sử dụng cho quá trình sản xuất.

**Biểu số 5: Phiếu yêu cầu vật tư hàng hóa**

Công ty CP gạch Tuynel Hương Thủy			B02.QT740-01		
Tổ 6- Phường Phú Bài , TX Hương Thủy -TT Huế					
<b>PHIẾU YÊU CẦU VẬT TƯ, HÀNG HÓA</b>					
Người yêu cầu: Phan Văn Nghiệp					
Đơn vị: Sản xuất					
Mục đích: xuất sản xuất gạch mộc.					
Stt	Tên vật tư, quy cách	Đvt	Số lượng	Ngày	Ghi chú
1	Than cám 6	Kg	448.783,45	30/04	
2	Đất sét vàng	m <sup>3</sup>	3.137	30/04	
3	Than cám bùn	Kg	11.985	30/04	
4	Xỉ than cám	Kg	12.106,95	30/04	
Ngày 27 tháng 04 năm 2013					
<b>Người duyệt</b>		<b>Kế toán</b>		<b>Người yêu cầu</b>	

Tại phòng kế toán:

Sau khi được phê duyệt, nhân viên kế toán sẽ nhập liệu vào phần mềm Misa số lượng và phần mềm sẽ tạo phiếu xuất kho, phiếu xuất kho hiện tại chưa có đơn giá, giá sẽ được cập nhập vào cuối kỳ. In phiếu xuất kho và gửi đến kho để thủ kho căn cứ vào đó xuất hàng.



**Biểu số 6: Phiếu xuất kho.**

Công ty CP gạch Tuynel Hương Thủy  
 Tổ 6- phường Phú Bài- TX Hương Thủy- TTH

**PHIẾU XUẤT KHO** **Mẫu số 02-VT**

Ngày 30 tháng 04 năm 2013  
 Số 04/109

Họ tên người nhận hàng: Phan Văn Nghiệp  
 Bộ phận: sản xuất.  
 Xuất tại kho: công ty CP gạch Tuynel Hương Thủy.  
 Địa điểm: Tổ 6- phường Phú Bài- TX Hương Thủy- TTH  
 Lý do xuất: sản xuất

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm vật tư, dụng cụ, hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Theo thực xuất		
1	Than cám 6	Kg	448.783,45	448.783,45		
2	Đất sét vàng	m <sup>3</sup>	3.137	3.137		
3	Than cám bùn	Kg	11.985	11.985		
4	Xi than cám	Kg	12.106,95	12.106,95		
	Cộng					

Số tiền viết bằng chữ:

<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận hàng</b>	<b>Thủ kho</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Giám đốc</b>
(ký tên)	(ký tên)	(ký tên)	(ký tên)	(ký tên)

Tại kho:

Thủ kho sau khi xuất hàng sẽ ký xác nhận vào phiếu xuất kho và ghi nhận vào thẻ kho (việc ghi nhận tương tự trường hợp nhập kho NVL, CCDC).

**Ví dụ:** ngày 30/06/2013, trả lại lô hàng than cám cho người bán, dựa theo biên bản kiểm nghiệm (**Phụ lục 3**) từ phòng kế hoạch vật tư, kế toán xuất phiếu xuất kho và lập hóa đơn hàng trả lại (**phụ lục 4**)

**Biểu số 7: Phiếu xuất kho than**

Công ty CP gạch Tuynel Hương Thủy  
 Tổ 6- phường Phú Bài- TX Hương Thủy- TTH

**PHIẾU XUẤT KHO** **Mẫu số 02-VT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013  
 Số 06/73

Họ tên người nhận hàng:  
 Bộ phận:  
 Xuất tại kho: công ty CP gạch Tuynel Hương Thủy.  
 Địa điểm: Tổ 6- phường Phú bài- TX Hương Thủy- TTH.  
 Lý do xuất: trả lại hàng.

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm vật tư, dụng cụ, hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Theo thực xuất		
1	Than cám 6	Kg	4.000	4.000	1.090,91	4.363.640
	Cộng					4.363.640

Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm bốn mươi đồng.

<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận hàng</b>	<b>Thủ kho</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Giám đốc</b>
(ký tên)	(ký tên)	(ký tên)	(ký tên)	(ký tên)

Sau khi nhận phiếu xuất kho, thủ kho xuất kho lô hàng, ghi nhận vào thẻ kho (tương tự nghiệp vụ trên), gửi trả lô hàng kèm hóa đơn và biên bản kiểm nghiệm cho người bán.

Cuối tháng, kế toán và thủ kho sẽ đối chiếu chứng từ nhập- xuất với thẻ kho của từng loại NVL, CCDC.

Cuối kì, kế toán sử dụng phần mềm để tính giá xuất kho, sau đó cập nhập lên các sổ sách báo cáo.

Sổ chi tiết vật tư được mở cho từng loại và báo cáo nhập xuất tồn như sau:

**Biểu số 8: Trích sổ kế toán chi tiết TK 152**

(ĐVT: đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Loại chứng từ	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn kho	
Số hiệu	Ngày, tháng					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	10	11
<b>Mã hàng: ĐSV</b>				<b>Tên hàng: Đất sét vàng</b>							
		Số dư đầu kỳ		m3	74.421,38					63.652,62	4.737.115.856
XK04/110	30/04/2013	Xuất kho đất sét sản xuất gạch mộc.	Xuất kho	m3	102.576			3.137	321.780.912	60515.62	4.415.334.944
XK06/71	30/06/2013	Xuất kho đất sét sản xuất gạch mộc tháng 06/2013	Xuất kho	m3	102.576			2.201	225.769.776	55.325,62	3.882.965.504
<b>Cộng</b>								<b>8.327</b>	<b>854.150.352</b>	<b>55.325,62</b>	<b>3.882.965.504</b>

*(Nguồn phòng kế toán)*

Biểu số 9: Trích sổ chi tiết TK 152: Than cám 6

(ĐVT: đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Loại chứng từ	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn kho	
Số hiệu	Ngày, tháng					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	10	11
Mã hàng: TCam6					Tên hàng: Than cám 6						
		Số dư đầu kỳ		kg	1.696,35					14.340	24.325.612
NK04/02	06/04/2013	Nhập kho than cám (Loại 3)	Mua hàng	kg	1.400	5.540	7.756.000			19.880	32.081.612
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
NK 06/07	10/06/2013	Mua hàng	Mua hàng	Kg	1.090,91	200.000	218.818.181			211.797,59	256.574.808
XK06/72	30/06/2013	Xuất kho than cám sản xuất	Xuất kho	kg	1.121,91			200.000	224.382.000	21.676,38	35.710.150
XK06/73	30/06/2013	Trả lại hàng	Xuất kho	kg	1.090,91			4.000	4.363.640	17.676,38	31.346.510
<b>Cộng</b>						<b>990.020</b>	<b>1.113.867.118</b>	<b>986.683,6</b>	<b>1.106.846.220</b>	<b>17.676,38</b>	<b>31.346.510</b>

(Nguồn phòng kế toán)

**Biểu số 10: Trích sổ chi tiết TK 152**

(ĐVT: đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Loại chứng từ	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn kho	
Số hiệu	Ngày, tháng					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	10	11
<b>Mã hàng: TCBun</b>					<b>Tên hàng: Than cám bùn</b>						
		<b>Số dư đầu kỳ</b>		kg	<b>1.168,03</b>					<b>11.985</b>	<b>13.998.874</b>
XK04/109	30/04/2013	Xuất kho than sản xuất gạch mộc	Xuất kho	kg	1.168,14			11.985	13.998.874		
<b>Cộng</b>								<b>11.985</b>	<b>13.998.874</b>		
<b>Mã hàng: XTHAN</b>					<b>Tên hàng: Xi than cám</b>						
		<b>Số dư đầu kỳ</b>		kg	<b>136.41</b>					<b>12.106,95</b>	<b>1.651.506</b>
XK04/109	30/04/2013	Xuất kho than sản xuất gạch mộc	Xuất kho	kg	136.36			12.106,95	1.651.506		
<b>Cộng</b>								<b>12.106,95</b>	<b>1.651.506</b>		

(Nguồn phòng kế toán)

**Biểu số 11: Trích sổ chi tiết TK 153**

(ĐVT: đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Loại chứng từ	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn kho	
Số hiệu	Ngày, tháng					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	10	11
Mã hàng: AQBH					Tên hàng: Áo quần bảo hộ lao động						
NK05/25	31/05/2013	Nhập kho áo quần BHLĐ	Mua hàng	bộ	93.000	130	12.090.000			130	12.090.000
XK06/05	01/06/2013	Xuất kho dụng cụ	Xuất kho	bộ	93.000			23	2.139.000	107	9.951.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
XK06/06	01/06/2013	Xuất kho áo quần BHLĐ	Xuất kho	bộ	93.000			10	930.000	12	1.116.000
<b>Cộng</b>						<b>130</b>	<b>12.090.000</b>	<b>118</b>	<b>10.974.000</b>	<b>12</b>	<b>1.116.000</b>

(Nguồn phòng kế toán)

**Biểu số 12: Trích sổ kế toán chi tiết TK 153**

(ĐVT: đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Loại chứng từ	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn kho	
Số hiệu	Ngày, tháng					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	10	11
<b>Mã hàng: GT</b>					<b>Tên hàng: Găng tay</b>						
NK04/29	30/04/2013	Nhập kho	Mua hàng	đôi	5.000	500	2.500.000			500	2.500.000
XK06/05	01/06/2013	Xuất kho dụng cụ .	Xuất kho	đôi	5.000			500	2.500.000		
<b>Cộng</b>						<b>500</b>	<b>2.500.000</b>	<b>500</b>	<b>2.500.000</b>		
Chứng từ		Diễn giải	Loại chứng từ	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn kho	
Số hiệu	Ngày, tháng					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	10	11
<b>Mã hàng: KT</b>					<b>Tên hàng: Khẩu trang</b>						
NK04/29	30/04/2013	Nhập kho	Mua hàng	cái	1500	200	300.000			200	300.000
XK06/05	01/06/2013	Xuất kho	Xuất kho	cái	1500			200	300.000		
<b>Cộng</b>						<b>200</b>	<b>300.000</b>	<b>200</b>	<b>300.000</b>		

( Nguồn phòng kế toán)

**Biểu số 13: Trích báo cáo nhập xuất tồn nguyên vật liệu**

(ĐVT: đồng)

STT	Tên vật tư hàng hóa	Đơn vị	Tồn đầu kỳ	Nhập		Xuất			Tồn cuối kỳ
				Mua hàng	Tổng nhập	Đi sản xuất	Trả lại hàng	Tổng xuất	
166	Đất sét vàng	m3	63652.62	1.000	1.000	8.327		8.327	56.325,62
416	Than cám 6	Kg	14.340	990.020	990.020	982.683,6	4000	986.683,6	
417	Than cám bùn	Kg	11.985	2.000		11.985		1.1985	2.000
...	...	...	...	...	...	...		...	...
464	Xi than cám	Kg	12.106,95	1.000	1.000	12.106,95		12.106,95	1.000

(Nguồn phòng kế toán)



**Biểu số 14: Trích báo cáo nhập xuất tồn công cụ dụng cụ**

(ĐVT: đồng)

STT	Tên vật tư hàng hóa	Đơn vị	Tồn đầu kỳ	Nhập		Xuất			Tồn
				Mua hàng	Tổng nhập	Đi sản xuất	Bán ra	Tổng xuất	
2	Aó quần bảo hộ lao động	bộ		130	130	118	10	118	12
23	Găng tay	Đôi		500	500	500		500	
30	Khẩu trang	Cái		200	200	200		200	
17	Chuột quang	Cái		2	2	2		2	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
5	Máy mài GA pi150	Cái	1	1	1	1	1	2	0

(Nguồn phòng kế toán)

**2.2.3. Tài khoản kế toán sử dụng**

Do đặc điểm NVL của Công ty rất đa dạng nên Công ty đã sử dụng phương pháp “ kê khai thường xuyên” để hạch toán việc nhập – xuất – tồn kho NVL và sử dụng các tài khoản sau:

- Tài khoản 152: Nguyên vật liệu ( phản ánh giá trị hiện có và tình hình tăng giảm nguyên vật liệu tại Công ty). Công ty không sử dụng tài khoản cấp 2 mà sử dụng mã hàng hóa để phân loại nguyên vật liệu. Ví dụ: đất sét vàng : ĐSV, than cám 6: TC6, than cám bùn: TCBUN, xi than cám: XTCAM,...

Tài khoản 153: Công cụ dụng cụ ( phản ánh giá trị hiện có và tình hình tăng giảm nguyên vật liệu tại Công ty). Công ty không sử dụng tài khoản cấp 2 để phân loại công cụ dụng cụ mà sử dụng mã hàng. Ví dụ: áo quần bảo hộ lao động: AQBH,...

- Tài khoản 331: Phải trả cho người bán
- Tài khoản 621: Chi phí nguyên vật liệu.
- Tài khoản 627: chi phí sản xuất chung.
- Tài khoản 641: chi phí bán hàng.
- Tài khoản 642: chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Tài khoản 142, 242: chi phí trả trước (dùng khi phân bổ công cụ dụng cụ).

Ngoài ra Công ty còn sử dụng các TK: 111, 112, 311, 211...

**2.2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty.****2.2.4.1. Kế toán tổng hợp các trường hợp nhập kho nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ**

Nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ của Công ty chủ yếu do mua ngoài nhập kho, khi mua có thể trả tiền ngay hoặc nợ người bán.

**Ví dụ:** nhập kho than cám 6 theo hóa đơn GTGT 0000522, từ DNTN Nhật Tường.

Nợ TK 152      218.181.818    đồng

Nợ TK 1331    21.818.182      đồng

Có TK 331      240.000.000    đồng

**Ví dụ:** ngày 30/ 04/2013, nhập kho găng tay và khẩu trang từ Hồ Thị Huế theo hóa đơn bán hàng số 0029235, chưa thanh toán cho người bán.

Nợ TK 153 2.800.000 đồng

Có TK 331 2.800.000 đồng

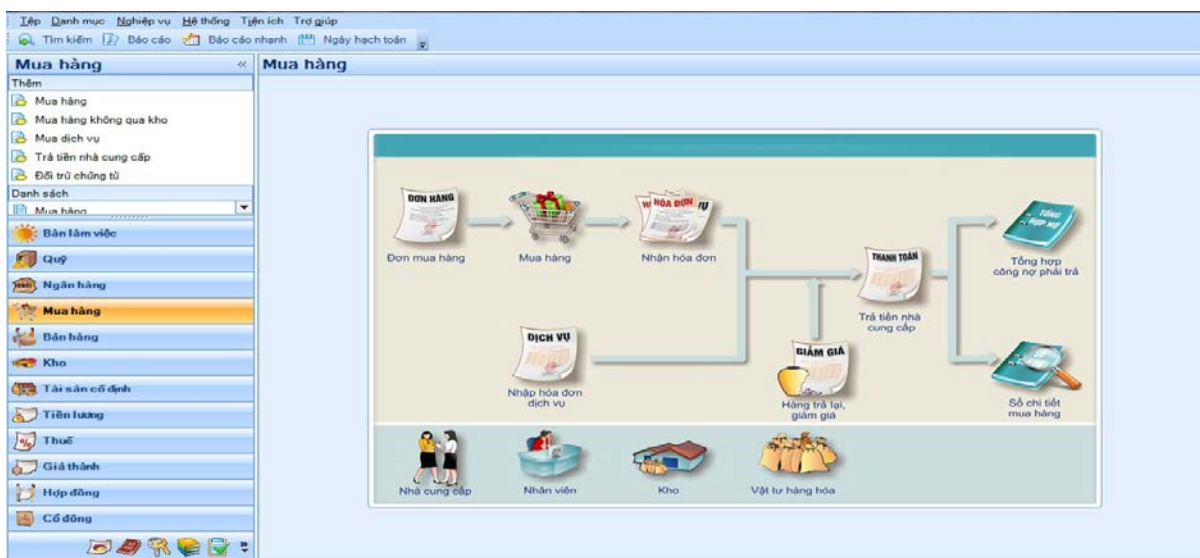
**Ví dụ:** ngày 11/06/2013, thanh toán tiền than cho DNTN Nhật Trường , sau khi xuất UNC 06/06 ( **Phụ lục 5**), kế toán nhập liệu vào phần mềm, định khoản:

Nợ TK 331 240.000.000 đồng

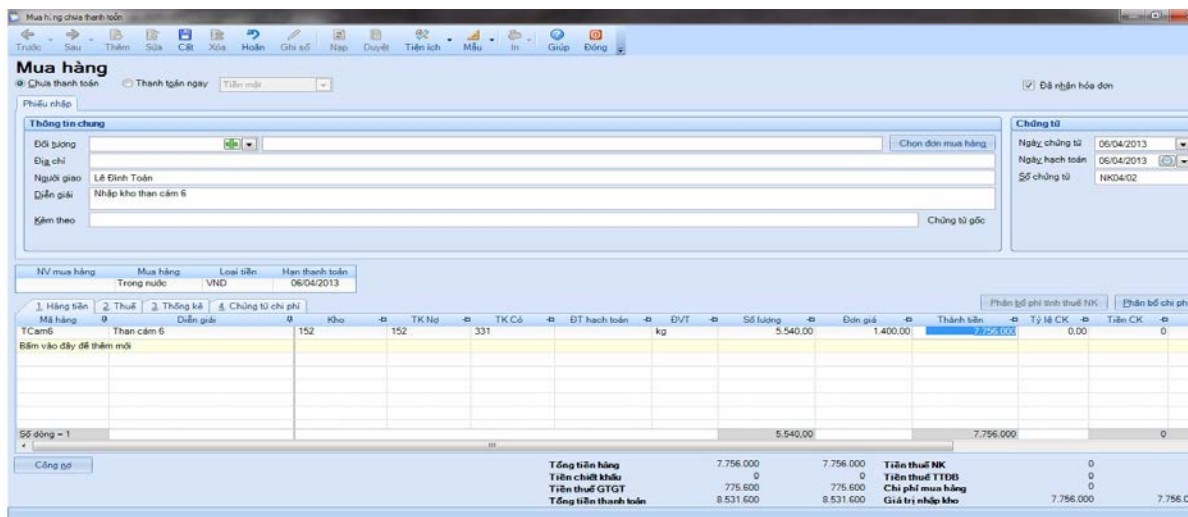
Có TK 112 240.000.000 đồng

**Quy trình nhập liệu vào phần mềm kế toán máy Misa 2012 như sau:**

- Bước 1: Mở phần mềm kế toán, vào phần hành mua hàng, chọn mua hàng kèm hóa đơn.



- Bước 2: nhập liệu vào phần mềm theo giao diện, nhập liệu đầy đủ phần mua hàng bao gồm mã hàng, tài khoản kho, số lượng, đơn giá, thuế suất và phần thuế. Phần hóa đơn phân thành hóa đơn giá trị gia tăng và hóa đơn bán hàng, kế toán dựa vào hóa đơn để nhập liệu.



• Bước 3: Chọn cất chứng từ và đóng phần hành. Nghiệp vụ đã được lưu vào phần mềm và tự động cập nhập lên các sổ sách, báo cáo.

Công cụ dụng cụ tại Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ nhỏ, thường được phân bổ một lần vào chi phí trong kì nên không khai báo ở phần hành công cụ dụng cụ trên phần mềm kế toán Misa.

2.2.4.2. Kế toán tổng hợp các trường hợp xuất kho nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ

Tại công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ xuất kho chủ yếu phục vụ công tác sản xuất gạch, một số được xuất cho bán hàng như dầu diesel, phụ tùng xe,... Một số được sử dụng cho quản lý doanh nghiệp như các công cụ dụng cụ nhỏ sử dụng tại văn phòng Công ty: bút, viết,...

**Ví dụ:** ngày 30/04/2013, xuất kho than cám 6, đất sét vàng, xỉ than cám và than cám bùn để sản xuất gạch mộc theo phiếu xuất kho XK04/109.

**Ví dụ:** ngày 01/06/2013, xuất kho áo quần bảo hộ lao động, găng tay và khẩu trang để tiến hành sản xuất theo phiếu xuất kho XK06/05.

**Ví dụ:** ngày 30/06/2013, lô hàng than cám 6 nhập vào ngày 18/06/2013 theo phiếu nhập kho NK06/14 có 4.000 kg không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, do đó, sau khi lập biên bản kiểm nghiệm, Công ty gửi trả hàng cho người bán. Chứng từ kèm theo : phiếu xuất kho XK06/73 và hóa đơn GTGT.

Nợ TK 331 4.800.004 đồng

Có TK 152 4.363.640 đồng

Có TK 133 436.364 đồng

**Ví dụ:** ngày 30/06 bán máy mài GA 6010 pi 150 mua ngày 28/06/2013 cho nhà máy Huế Tôn thuộc công ty cổ phần Hương Thủy theo phiếu xuất kho XK06/74 (**phụ lục 6**), hóa đơn GTGT (**phụ lục 7**), bán hàng thu tiền mặt với đơn giá là 2.100.000Đ. Giá vốn sẽ được cập nhập vào cuối kì khi tính giá xuất kho.

Nợ TK 1111 2.310.000 đồng

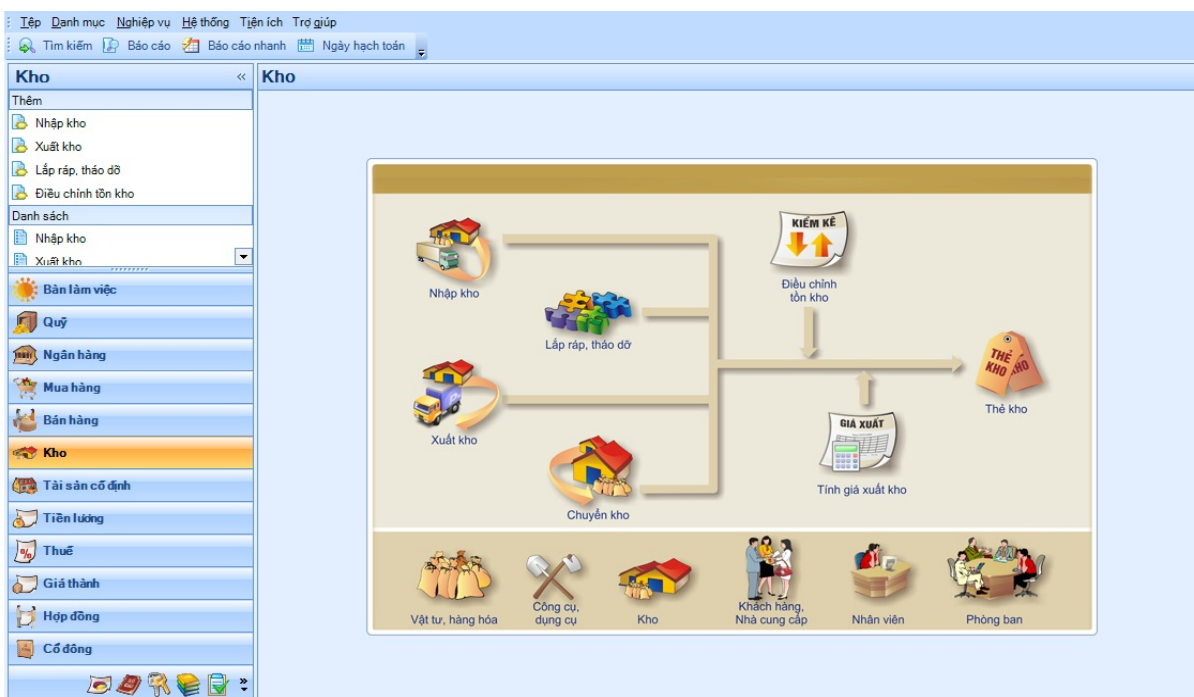
Có TK 711 2.100.000 đồng

Có TK 33311 210.000 đồng

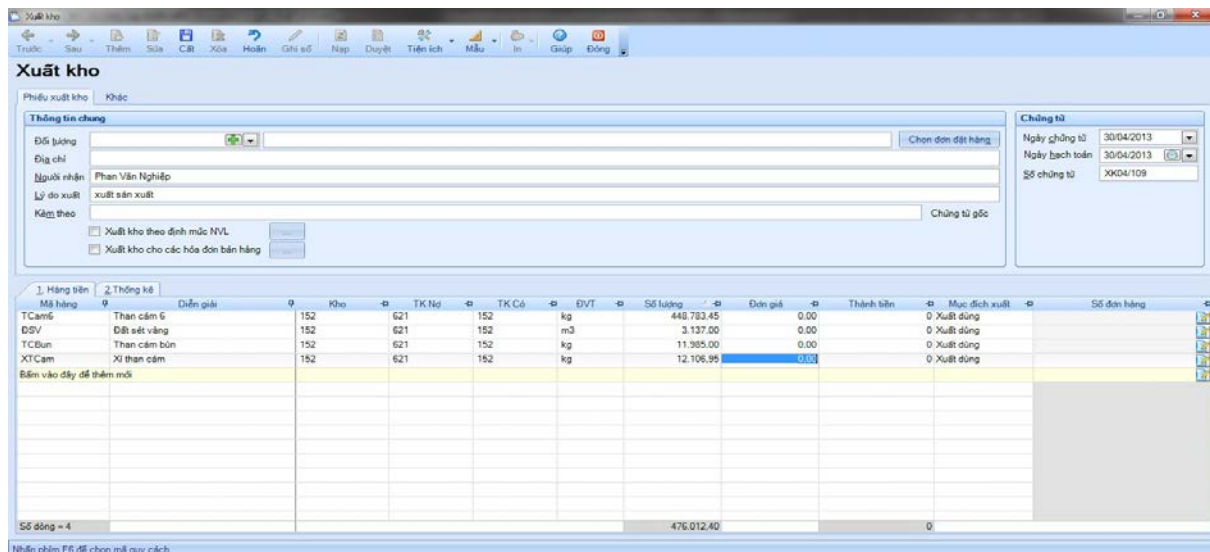
**Quy trình nhập liệu vào phần mềm kế toán máy Misa như sau:**

Đối với nghiệp vụ xuất kho sản xuất:

- Bước 1: Vào phần mềm kế toán, chọn phần hành kho, chọn xuất kho.



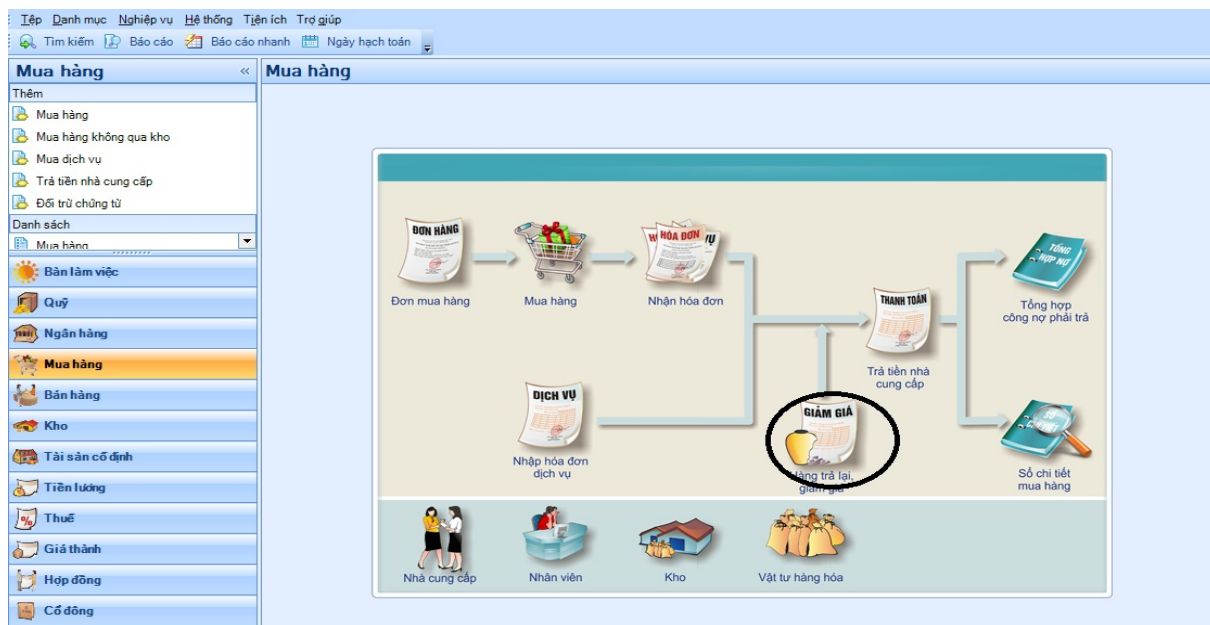
- Bước 2: nhập liệu vào giao diện của phần mềm, nhập đầy đủ mã hàng, kho, số lượng, nhưng không nhập phần đơn giá, định kỳ xuất báo cáo kế toán sẽ chọn phần hành tính giá xuất kho để tự động cập nhập, tính giá thành.



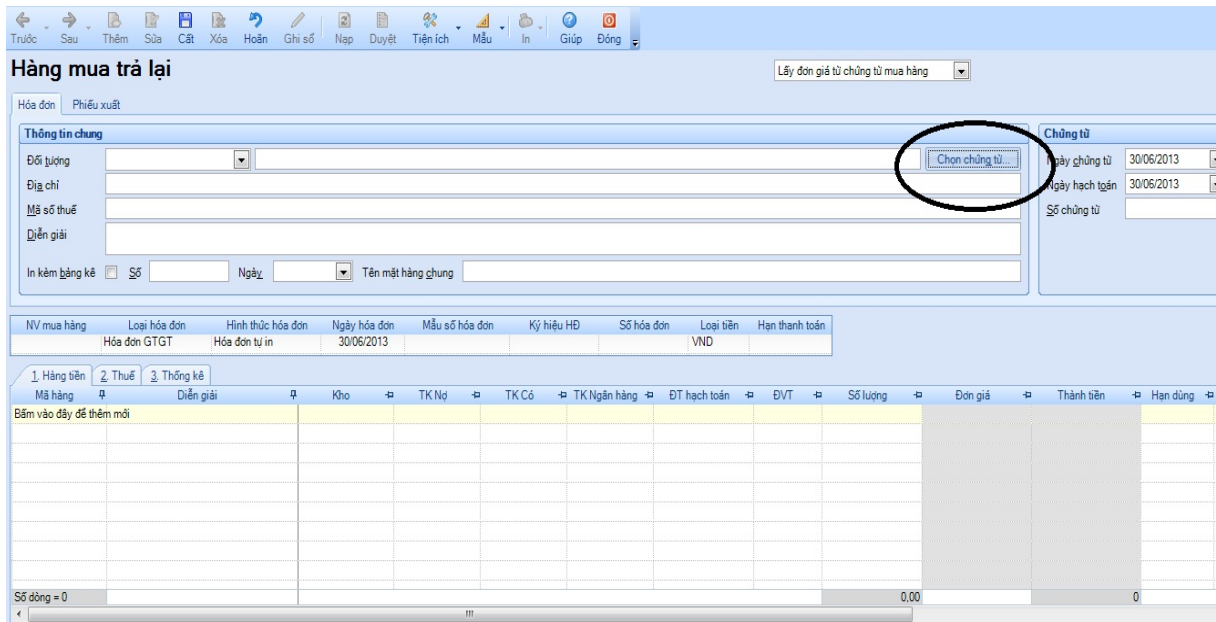
• Bước 3: cất chứng từ và đóng giao diện. Nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ được thực hiện giống nhau.

Đối với trường hợp trả lại hàng

• Bước 1: chọn phần hành mua hàng như trên, chọn hàng trả lại



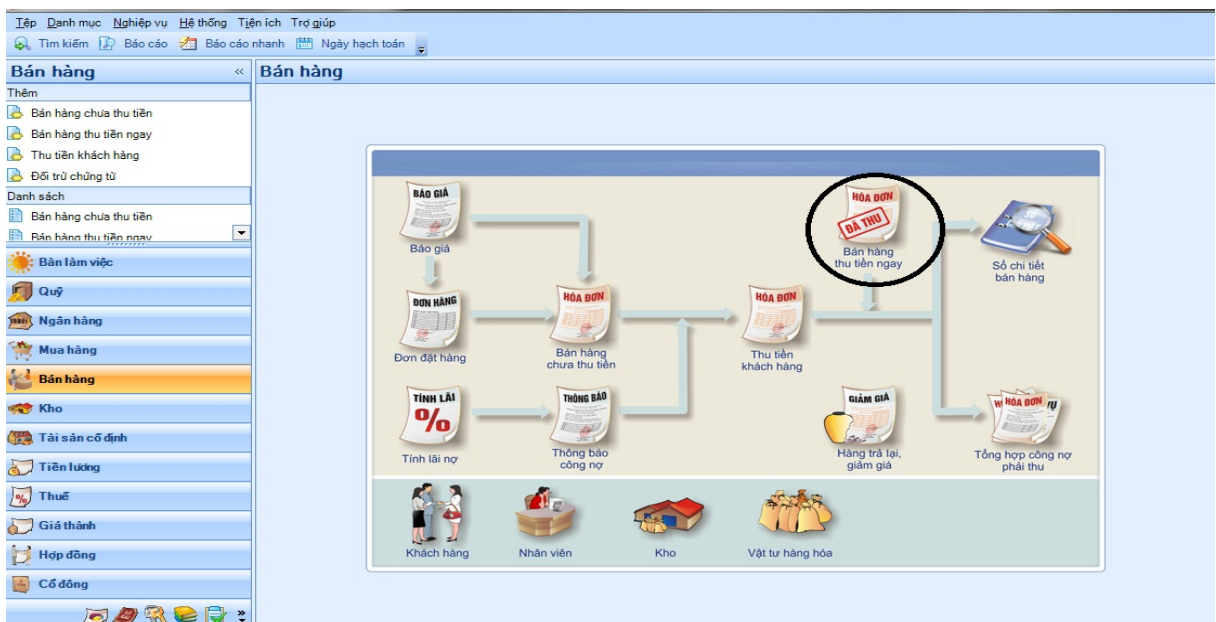
• Bước 2: chọn chứng từ để xuất lại theo lô hàng đã mua, nhập liệu.



• Bước 3: chọn lô hàng đã mua cần trả lại, nhập số lượng trả lại. Sau đó, nhập liệu hoàn chỉnh, chọn cất chứng từ và đóng giao diện.

Trường hợp bán công cụ dụng cụ

• Bước 1: chọn phân hành bán hàng, bán hàng thu tiền ngay.



• Bước 2: nhập liệu vào phần mềm, nhập mã hàng, kho, TK Nợ, TK Có, số lượng, đơn giá. Phần thuế sẽ tự động cập nhập. Giá vốn chỉ được cập nhập vào cuối kì khi có đơn giá xuất kho. Cần ghi nhận TK kho là 153 để phần mềm xuất giá trị đúng.



- Bước 3: Chọn cắt chứng từ và đóng giao diện.

Vào cuối kì kế toán, kế toán tính giá xuất kho như sau, vào phân hệ kho, chọn tính giá xuất kho. Chọn kì tính giá, thực hiện tính giá và chương trình sẽ cập nhập lên các sổ, báo cáo trong kì.



Sau khi kế toán tiến hành nhập liệu, phần mềm sẽ cập nhập lên các sổ: nhật ký chung, sổ cái TK 152, sổ cái TK 153.



Biểu số 15: Trích sổ nhật kí chung

ĐVT: đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT đồng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
30/04/2013	NK04/29	30/04/2013	Nhập kho găng tay, khẩu trang	x		153	2.800.000	
				x		331		2.800.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/04/2013	XK04/109	30/04/2013	xuất kho sản xuất	x		621	840.925.932	
				x		152		840.925.932
10/6/2013	NK06/07	10/6/2013	nhập kho than cám 6	x		152	218.181.818	
				x		1331	21.818.182	
				x		331		240.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/06/2013	XK06/73	30/06/2013	Xuất kho trả lại hàng	x		331	4.800.004	
						152		4.363.640
						1331		436.364

( Nguồn phòng kế toán)

**Biểu số 16: Trích sổ cái TK 152- Nguyên vật liệu**

DVT: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
06/04/2013	4039	06/04/2013	Than cám 6	331	7.756.000		2.787.240.152	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
12/04/2013	105	12/04/2013	Than cám 6	331	546.763.636		3.327.038.864	
18/04/2013	4133	18/04/2013	Than cám 6	331	23.187.400		3.343.827.653	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...	...	...	...
24/04/2013	XK04/84	24/04/2013	Sắt 6	6272		59.586	3.337.164.886	
30/04/2013	XK04/109	30/04/2013	Than cám bùn	621		13.998.874	2.820.639.322	
30/04/2013	XK04/109	30/04/2013	Xi than cám	621		1.651.506	2.818.987.816	
30/04/2013	XK04/110	30/04/2013	Đất sét vàng	621		321.780.912	2.497.206.904	
30/04/2013	XK04/109	30/04/2013	Than cám 6	621		503.494.640	2.834.638.196	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/06/2013	XK06/73	30/06/2013	Than cám 6	331		4.363.640	18.394.693.329	

(Nguồn phòng kế toán)

**Biểu số 17: Trích sổ cái 153- Công cụ dụng cụ**

DVT: đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>D</b>	<b>E</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
30/04/2013	29235	30/04/2013	Găng tay	331	2.500.000		2.638.824	
30/04/2013	29235	30/04/2013	Khẩu trang	331	300.000		2.938.824	
01/06/2013	XK06/05	01/06/2013	Aó quần bảo hộ lao động	6273		2.139.000	12.457.196	
01/06/2013	XK06/05	01/06/2013	Găng tay	6273		2.500.000	9.957.196	
01/06/2013	XK06/05	01/06/2013	Khẩu trang	6273		300.000	9.657.196	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
01/06/2013	XK06/07	01/06/2013	Aó quần bảo hộ lao động	6273		1.023.000	7.704.196	
01/06/2013	XK06/08	01/06/2013	Aó quần bảo hộ lao động	6273		930.000	6.774.196	
01/06/2013	XK06/09	01/06/2013	Aó quần bảo hộ lao động	6272		1.116.000	5.658.196	
01/06/2013	XK06/10	01/06/2013	Aó quần bảo hộ lao động	6273		2.046.000	3.612.196	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/06/2013	XK06/74	30/06/2013	Bán máy mài GA pi 150	811		2.050.000		
...	...	...	...	...	...	...	...	...

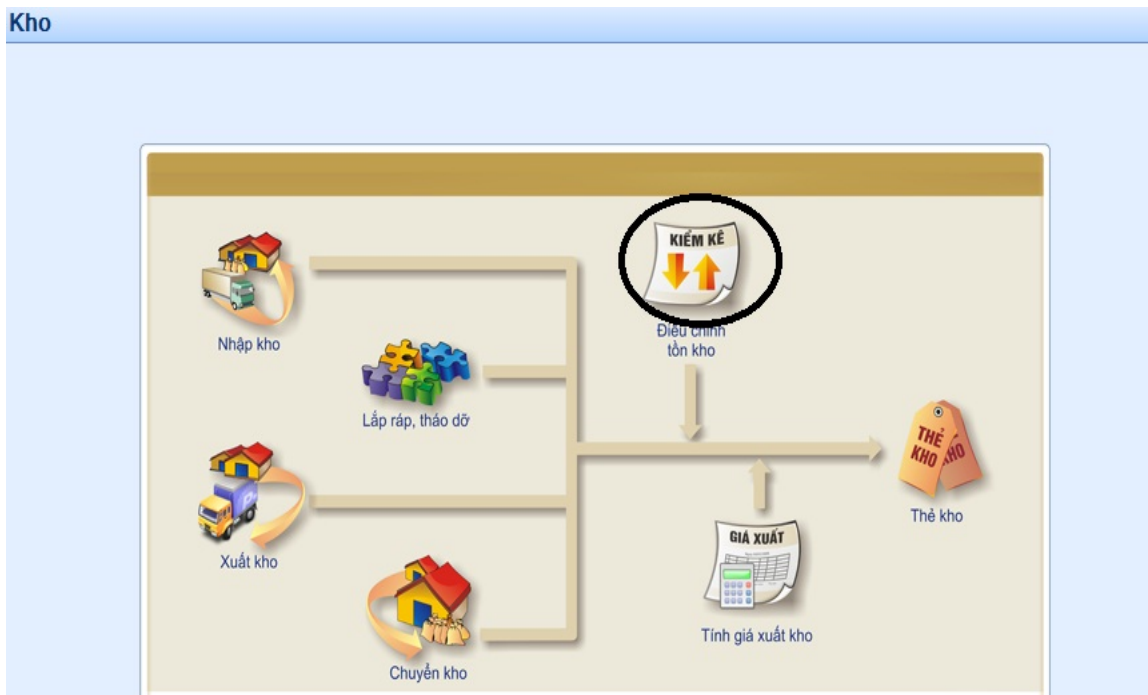
(Nguồn phòng kế toán)

**2.2.4.3. Kế toán các nghiệp vụ kiểm kê nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.**

Ở Công ty mỗi năm đều có nghiệp vụ kiểm kê vào cuối kỳ kế toán, kế toán, thủ kho cùng kiểm tra số lượng của hàng tồn trong kho, sau đó báo cho giám đốc và trưởng phòng vật tư. Trong quá trình kiểm kê, kế toán và thủ kho chỉ xem xét về mặt số lượng của hàng tồn kho.

Khi kiểm kê, kế toán và thủ kho sử dụng các phương pháp như: cân, đo, đong, đếm,... hàng tồn kho. Công tác kiểm kê được tiến hành trước khi lập quyết toán năm. Mọi kết quả kiểm kê đều được phản ánh vào biên bản kiểm kê do kế toán lập ra.

Nếu có chênh lệch trong số lượng hàng tồn kho, kế toán nhập liệu vào phần mềm kế toán Misa. Vào phần hành kho, chọn điều chỉnh tồn kho, chọn tài khoản kho cần điều chỉnh, nhập liệu số lượng kiểm kê để ra được chênh lệch, sau đó cắt chứng từ. Số chênh lệch sẽ được phản ánh trên các chứng từ, sổ sách báo cáo.

**2.2.4.4. Kế toán lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ**

Hiện nay, Công ty vẫn chưa thực hiện việc hạch toán dự phòng giảm giá NVL, CCDC. Công ty không tiến hành lập dự phòng có thể do Công ty mua hàng từ các nhà cung cấp uy tín, làm ăn lâu năm.

### **Chương 3**

## **ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VÀ ĐƯA RA MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUYNEL HƯƠNG THỦY**

### **3.1. Đánh giá về công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy**

Thành lập từ năm 2008, trải qua thời kỳ suy thoái kinh tế toàn cầu, tuy gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn 2011-2013 nhưng công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy vẫn đang hoạt động một cách ổn định và đang cố gắng để ngày càng phát triển hơn. Sản phẩm của Công ty đã có chỗ đứng riêng đối với thị trường vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, không chỉ riêng thị xã Hương Thủy, thành phố Huế, Công ty còn hướng đến các thị trường xa hơn như huyện Nam Đông, huyện A Lưới,... Để đạt được thành quả như vậy là cả một quá trình phấn đấu của lãnh đạo và công nhân viên trong Công ty, không ngừng nâng cao chất lượng các biện pháp, tổ chức kỹ thuật và quản lý các bộ phận trong toàn Công ty. Một trong các mục tiêu mà Công ty đang hướng đến là tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo được và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm cung cấp ra thị trường.

Để thực hiện điều này, việc tăng cường công tác quản lý và hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là cần thiết vì đây là một trong các biện pháp hữu hiệu, quan trọng nhất để góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tránh hao hụt mất mát, hư hỏng trong quá trình sản xuất kinh doanh mà vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm đầu ra.

Sau một thời gian thực tập tại công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy, được tiếp xúc với công tác kế toán tại Công ty, cùng những kiến thức đã học tại trường, em xin nêu một số ý kiến cá nhân như sau:

**3.1.1. Những ưu điểm****✓ Về bộ máy kế toán**

Công ty đã tổ chức bộ máy kế toán tương đối hoàn chỉnh và gọn nhẹ, hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và quy mô hoạt động loại hình sản xuất kinh doanh. Đội ngũ nhân viên kế toán có trình độ nghiệp vụ đồng đều, có tinh thần trách nhiệm cao. BMKT được tổ chức theo mô hình nửa tập trung nửa phân tán giúp linh hoạt hơn trong việc theo dõi chi tiết, tổng hợp tại Công ty. Hình thức này kịp thời đảm bảo cho việc xử lý thông tin kế toán được chặt chẽ, chính xác kịp thời và có hiệu quả.

**✓ Trong công tác quản lý NVL**

Công ty đã có nhiều chú trọng trong công tác quản lý NVL từ khâu thu mua, dự trữ, bảo quản đến khâu sử dụng.

+ Đối với công tác thu mua: Công ty thường xuyên ký hợp đồng với các nhà cung cấp có sản phẩm chất lượng tốt, giá cả phải chăng, ít biến động, luôn đúng, đủ về mặt số lượng, quy cách, phẩm chất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

+ Đối với công tác dự trữ, bảo quản: Công ty có kho bãi rộng phù hợp với việc dự trữ lượng lớn đất sét, than, xỉ than,... Đồng thời nhà kho xây dựng theo tiêu chuẩn đảm bảo việc bảo quản được tốt.

+ Đối với công tác sử dụng: Công ty đã xây dựng được hệ thống định mức tiêu hao NVL, CCDC. Công ty không ngừng tìm kiếm, sử dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để đưa ra các phương án sử dụng hiệu quả hơn, nhằm giảm được chi phí sản xuất và tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

**✓ Về hệ thống sổ kế toán**

Công ty sử dụng phần mềm kế toán máy Misa, với phần mềm này, dữ liệu kế toán được an toàn hơn và các sổ sách định kỳ được in ra để đối chiếu và lưu trữ. Hệ thống sổ sách kế toán đầy đủ, theo quy định của pháp luật.

**✓ Về phương pháp hạch toán tổng hợp NVL**

Để hạch toán tổng hợp NVL và CCDC, Công ty đã áp dụng phương pháp KKTX. Với phương pháp này, NVL và CCDC được quản lý chặt chẽ và tình hình nhập, xuất, tồn kho cũng sẽ được cung cấp một cách thường xuyên và kịp thời.

✓ Về hạch toán chi tiết NVL

Công ty hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song là rất phù hợp với qui mô Công ty cũng như đặc điểm NVL của công ty. Phương pháp này đơn giản trong khâu ghi chép, đối chiếu số liệu và phát hiện sai sót, đồng thời cung cấp thông tin nhập, xuất, và tồn kho NVL kịp thời, chính xác.

✓ Về quy trình thu mua và sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Công ty đã xây dựng một quy trình tổng quát về thu mua, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, việc này giúp cho quá trình thực hiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được dễ dàng hơn.

### **3.1.2. Những nhược điểm**

- Việc phân loại nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.

Hiện nay, việc phân loại nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ của Công ty còn nhiều điểm chưa hợp lý, một số vật tư thường được phân loại thành công cụ dụng cụ và có thể phân bổ trong nhiều kỳ lại được kế toán phân loại thành nguyên vật liệu, và khi đưa vào sử dụng thì hạch toán ngay vào chi phí trong kỳ. Ví dụ như: quạt máy hàn, quạt gió, phần mềm diệt vi rút,... các loại vật tư này khi đưa vào sử dụng thì không thay đổi hình thái như nguyên vật liệu và có thể sử dụng qua nhiều kỳ. Và có một số vật tư được phân loại cả vào nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ như: trống hình máy in,... Việc phân loại không hợp lý có thể gây ảnh hưởng đến chi phí sản xuất trong kỳ cũng như cách thức quản lý của Công ty.

- Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.

Hiện nay Công ty chỉ sử dụng TK152 và TK 153 để hạch toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ chứ chưa phân thành các tài khoản cấp 2. Đối với một công ty sản xuất, với số lượng lớn nguyên vật liệu được sử dụng như vậy, việc hạch toán chung một tài khoản gây khó khăn trong việc quản lý.

- Về tính giá NVL xuất kho.

Công ty sử dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá NVL, phương pháp này đơn giản, tuy nhiên công việc kế toán lại dồn vào cuối kỳ. Sử dụng phương pháp này thì phải đến cuối kỳ kế toán mới cung cấp được giá trị NVL xuất kho trong

kỳ. Điều này khiến cho việc cung cấp thông tin cho công tác quản lý không được kịp thời và thường xuyên trong khi cần.

- Việc hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Hiện nay, Công ty không tiến hành lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tuy nhiên, theo chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 02- Hàng tồn kho, việc lập dự phòng là để đề phòng các thiệt hại có thể xảy ra trong tương lai do hàng hóa hư hỏng, giảm giá, do biến động giá cả,..đồng thời phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được nhằm phản ánh tình trạng trung thực của hàng tồn kho vào cuối năm.

- Vấn đề kiểm nhiệm trong bộ máy kế toán.

Công ty vẫn chưa có kế toán mảng nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, mà kiêm cả kế toán tài sản cố định và kế toán vật tư. Khối lượng công việc nhiều có thể gây ra sai sót cho kế toán trong quá trình làm việc.

- Công tác thu hồi phế liệu.

Trong quá trình mua, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu, có rất nhiều loại phế liệu có thể thu hồi được như sắt phế liệu, thùng cacton, giấy,... Tuy nhiên, phế liệu này không được thu hồi nhập kho mà đem bán luôn và cũng không hạch toán vào doanh thu. Tiền thu hồi phế liệu được dùng để mua một số công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ như chổi quét, chổi rành,...

- Việc theo dõi, kiểm kê nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.

Là một Công ty sản xuất vật liệu xây dựng, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ chiếm tỷ trọng khá lớn trong chi phí sản xuất nhưng việc kiểm kê của Công ty vẫn chưa chặt chẽ.

Hiện nay, vào cuối kì kế toán, Công ty mới thực hiện công tác kiểm kê, tuy nhiên, việc kiểm kê này chỉ theo dõi được số lượng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty mà chưa cho thấy được chất lượng của hàng tồn kho. Do ít quan tâm đến chất lượng hàng tồn kho nên khi đưa ra các quyết định sản xuất, việc sản xuất có thể bị đình trệ do nguyên vật liệu không đảm bảo được chất lượng, công cụ dụng cụ thiếu hụt do hỏng hóc.

### **3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty**



Thông tin kế toán là một loại thông tin rất cần thiết cho công tác quản lý hiện nay, nhất là trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Trong điều kiện cạnh tranh để tìm chỗ đứng trên thị trường, các doanh nghiệp cần phải có những thông tin thật chính xác về tình hình tài chính của mình để có thể đề ra những biện pháp thích hợp cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp mình. Điều này đòi hỏi công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và kế toán NVL, CCDC nói riêng cần phải hoạt động hiệu quả để cung cấp thông tin kịp thời, chính xác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

### **3.2.1. Yêu cầu hoàn thiện**

- Một là, cung cấp các thông tin chi tiết về tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ, từng loại NVL, CCDC cho yêu cầu quản lý của Công ty.

- Hai là, củng cố và tăng cường vai trò cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình nhập, xuất, tồn kho của NVL, CCDC từ các sổ kế toán tổng hợp của Công ty.

- Ba là, phản ánh giá trị của NVL và CCDC một cách xác thực hơn, phù hợp hơn với giá cả tại thời điểm sử dụng.

- Bốn là, phản ánh đúng nội dung kinh tế của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ, tạo điều kiện cung cấp chính xác thông tin cho công tác hạch toán trong doanh nghiệp

- Năm là, cung cấp kịp thời số liệu để có thể tiến hành phân tích hiệu quả sử dụng NVL, CCDC phục vụ cho yêu cầu quản lý NVL, CCDC nói riêng và quản lý trong toàn Công ty nói chung.

### **3.2.2. Một số biện pháp hoàn thiện**

Sau một thời gian thực tập tại công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy, qua tiếp xúc với thực tế kết hợp với những kiến thức đã học trong trường, em xin mạnh dạn đề ra một số ý kiến như sau:

- Thứ nhất: cần thay đổi cách thức phân loại nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong hệ thống.

Có thể do đặc thù của một Công ty chuyên về sản xuất vật liệu xây dựng, số lượng nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ lớn và cách phân loại cũng khác, tuy nhiên Công ty cần xây dựng lại hệ thống phân loại vật tư để quản lý dễ dàng, chính xác hơn, cần chuyển một số nguyên vật liệu hiện tại sang công cụ dụng cụ như quạt hàn, quạt

gió,...tiến hành khai báo phần mềm kế toán để tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ chính xác hơn.

- Thứ hai: Cần tạo các tài khoản cấp 2 cho nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.

Công ty phân loại dựa trên mã hàng hóa, rất bất tiện khi kiểm tra, quản lý trong việc nhập kho, xuất kho.

Công ty cần phân loại nguyên vật liệu thành nguyên vật liệu chính, dùng để sản xuất gạch như: đất sét vàng, than cám, xỉ than,...vào TK 1521- nguyên vật liệu chính, các nguyên vật liệu khác như sắt, xi măng,.. vào TK 1522- nguyên vật liệu phụ, đối với xăng, dầu diesel,.. hạch toán vào TK 1523- nhiên liệu,...Điều này thuận lợi khi hạch toán các nghiệp vụ xuất kho, nhập kho và kiểm kê.

- Thứ ba: phương pháp tính giá xuất kho NVL, CCDC

Hiện nay, Công ty đang sử dụng phương pháp tính giá xuất kho là bình quân gia quyền cuối kì, phương pháp này tuy đơn giản nhưng với phần mềm kế toán, giá chỉ được cập nhập vào cuối kỳ kế toán, gây ra thiếu thông tin kế toán cho quản lý. Với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay, Công ty nên chuyển qua phương pháp tính giá bình quân gia quyền liên hoàn, vì nghiệp vụ nhập, xuất NVL, CCDC không quá nhiều, phương pháp này giúp kế toán có thể nắm rõ tình hình hàng tồn kho hơn, hiện nay Công ty cũng đã sử dụng phần mềm nên việc tính toán cũng đã giảm bớt. Công thức tính giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị thực tế NVL, CCDC trước khi nhập} + \text{Giá trị NVL, CCDC thực tế từng lần nhập}}{\text{Số lượng NVL, CCDC trước khi nhập} + \text{Số lượng NVL, CCDC từng lần nhập}}$$

- Thứ tư: về lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty nên tiến hành lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nói chung và cho NVL, CCDC nói riêng. Việc lập dự phòng sẽ giúp cho Công ty có được khoản để bù đắp khi NVL, CCDC bị giảm giá.

$$\text{Mức dự phòng cần lập} = \text{Số lượng hàng tồn kho} \times \text{Mức chênh lệch giá của mỗi loại}$$

- Thứ năm: Công ty cần có thêm một kế toán về mảng nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ

Với số lượng công việc khá lớn như tình hình hiện nay, việc tách biệt một kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ là cần thiết, nhằm giảm bớt khối lượng công việc của kế toán tài sản cố định và vật tư, đồng thời giảm sai sót cho quá trình làm việc.

- Thứ sáu: công tác thu hồi phế liệu

Sau khi sản xuất các phân xưởng thường có phế liệu thu hồi. Nhưng hiện nay Công ty không hạch toán nghiệp vụ phế liệu thu hồi từ sản xuất. Điều đó sẽ gây lãng phí và không phản ánh đúng giá trị của hàng tồn kho của Công ty. Do đó, cuối tháng kế toán cần tiến hành nhập kho phế liệu thu hồi vào kho để quản lý riêng và tiến hành định khoản như sau:

Nợ TK 152: chi tiết theo từng vật liệu

Có TK 621: chi tiết theo từng phân xưởng

Khi xuất bán phản ánh giá trị thu hồi:

Nợ TK 111

Có TK 711

- Thứ bảy: Về kiểm kê nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.

Để nắm bắt được tình hình nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ kịp thời, định kì một quý, kế toán và thủ kho nên tiến hành kiểm kê về số lượng và chất lượng hàng tồn kho, khi tiến hành kiểm kê cần lập biên bản kiểm kê, trong đó quan trọng nhất là phần đánh giá chất lượng của hàng tồn kho. Thủ kho, kế toán và đại diện phòng kế hoạch vật tư cần nắm bắt được chính xác về số lượng cũng như chất lượng để có thể đưa ra phương án sản xuất kinh doanh, hoặc mua bổ sung để phục vụ sản xuất kịp thời.

## **PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.**

### **III.1. Kết luận**

Qua quá trình tìm hiểu thực tế tại Công ty, đề tài của tôi đã giải quyết được các vấn đề sau:

Thứ nhất, đề tài của tôi đã hệ thống lại các vấn đề lý luận về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp. Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty cổ Phần gạch Tuynel Hương Thủy. Nhìn chung công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ của Công ty được thực hiện đúng chế độ quy định hiện hành và phù hợp với thực tế ở Công ty. Việc vận dụng hệ thống chứng từ, sổ sách tương đối đầy đủ.

Thứ hai, so sánh giữa cơ sở lý luận và thực tiễn tìm hiểu tại Công ty, tôi nhận thấy trong việc hạch toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, Công ty đã vận dụng sáng tạo các loại sổ sách, tài khoản kế toán phù hợp với tình hình của Công ty.

Thứ ba, tôi đã đưa ra một số định hướng và giải pháp nhằm phục vụ cho công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty.

Nhìn chung những mục tiêu mà tôi đưa ra trong đề tài cơ bản đã đạt được.

Tuy đạt được những kết quả như vậy nhưng tôi nhận thấy đề tài của mình còn một số hạn chế sau đây:

Thứ nhất, đề tài của tôi còn một số vấn đề chưa sâu như chưa đưa ra được đầy đủ các loại sổ sách, các thẻ, phiếu kế toán có liên quan đến công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.

Thứ hai, các số liệu thu thập được chỉ xảy ra trong thời gian là một quý, chưa thu thập được tất cả các loại chứng từ, sổ sách có liên quan đến tổng thể quá trình hoạt động của Công ty.

### **III.2. Kiến nghị**

Trên cơ sở những hạn chế của đề tài, tôi có kiến nghị sau:

Nếu có điều kiện nghiên cứu tiếp đề tài thì tôi sẽ tìm hiểu kỹ hơn về phần kế toán quản trị nguyên vật liệu của Công ty, thu thập thêm các loại chứng từ, sổ sách, tìm hiểu công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ của Công ty một cách đầy đủ hơn.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. BTC 2006, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006, nhà xuất bản Lao động xã hội.
2. BTC 2009, Chuẩn mực kế toán số 02- hàng tồn kho ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001, nhà xuất bản Lao động xã hội.
3. TS. Trần Huy Đoán, 2006, hướng dẫn thực hành chế độ kế toán doanh nghiệp, bài tập và lập báo cáo tài chính, nhà xuất bản tài chính, Hà Nội.
4. PGS. TS Phan Đình Ngân- Ths. Hồ Phan Minh Đức, 2009, Giáo trình lý thuyết kế toán tài chính 1, NXB Đại học Kinh tế Huế.
5. PGS. TS Võ Văn Nhị, 2009, Hướng dẫn thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
6. Một số đề tài nghiên cứu các năm trước.
7. Một số website:
  - <http://docs.4share.vn>
  - <http://tailieu.vn>
  - [Webketoan.vn](http://Webketoan.vn)
  - [www.danketoan.com](http://www.danketoan.com)
  - [www.voer.edu.vn](http://www.voer.edu.vn)

**Phụ lục 1: Hóa đơn bán hàng số 0029235.**

**HÓA ĐƠN BÁN HÀNG**

***Liên 2: Giao cho người mua***

Ngày 19 tháng 4 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Hồ Thị Huế

Địa chỉ: Chợ Tây Lộc TP Huế

MST: 3300105418

Họ tên người mua hàng: Hạnh

Tên đơn vị: Công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy.

Địa chỉ: Tổ 6, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy

MST: 3300530275

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3=1×2</b>
1	Găng tay	Đôi	500	5.000	2.500.000
2	Khẩu trang	Cái	200	1.500	300.000
Cộng tiền hàng					2.800.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu tám trăm nghìn đồng					

**Người mua hàng**

**Người bán hàng**

**Phụ lục 2: Phiếu xuất kho XK06/05**

Công ty CP gạch Tuynel Hương Thủy

Tổ 6- phường Phú Bài- TX Hương Thủy- TTH

**PHIẾU XUẤT KHO**

**Mẫu số 02-VT**

Ngày 31 tháng 05 năm 2013

Số 06/05

Họ tên người nhận hàng: Đỗ Văn Minh

Bộ phận: sản xuất.

Xuất tại kho: công ty CP gạch Tuynel Hương Thủy.

Địa điểm: Tổ 6- phường Phú Bài- TX Hương Thủy- TTH

Lý do xuất: sản xuất

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm vật tư, dụng cụ, hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Theo thực xuất		
1	Áo quần bảo hộ lao động	Bộ	23	23		
2	Găng tay	Cái	500	500		
3	Khẩu trang	Cái	200	200		
	Cộng					

Số tiền viết bằng chữ:

**Người lập phiếu**

**Người nhận hàng**

**Thủ kho**

**Kế toán**

**Giám đốc**

(ký tên)

(ký tên)

(ký tên)

(ký tên)

(ký tên)

**Phụ lục 3: Biên bản kiểm nghiệm vật tư**

Đơn vị: Công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy

Mẫu số: 03 - VT

Bộ phận: a

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM  
VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Ngày....tháng ...năm....

Số.....

- Căn cứ.....số .....ngày....tháng.....năm.....của.....

Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông/Bà....Lê Văn Kề.....Chức vụ ....Giám đốc.....

Đại diện.....Trưởng ban

+ Ông/Bà.....Phan Thị Thêu..... Chức vụ.....Thủ kho.....

Đại diện.....Ủy viên...

+ Ông/Bà.....Lê Văn Hải.....Chức vụ.....TP KH-VT.....

Đại diện.....Ủy viên.

Đã kiểm nghiệm các loại:

S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
1	Than cám 6	TC 6	Thí nghiệm	Kg	244.050	240.050	4.000	

Ý kiến của Ban kiểm nghiệm:..Có 4.000kg không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật để sản xuất

**Đại diện kỹ thuật**

(Ký, họ tên)

**Thủ kho**

(Ký, họ tên)

**Trưởng ban**

(Ký, họ tên)



**Phụ lục 4: Hóa đơn GTGT hàng trả lại.**

**HÓA ĐƠN GTGT**

Liên 3: Kế toán

Số 0002207

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy

Địa chỉ: Tổ 6- Phường Phú Bài- TX Hương Thủy- TT Huế

Số tài khoản:

Điện thoại: Ms: 3300530275

Họ và tên người mua:

Đơn vị: Công ty cổ phần Frit Huế

Địa chỉ: Lô 1A khu công nghiệp Phú Bài, TX Hương Thủy, Thừa Thiên Huế

Số tài khoản:

Điện thoại Ms 3300363627

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền
1	Than cám 6	Kg	4.000	1.090,91	4.363.640
Cộng tiền hàng:					4.363.640
Thuế GTGT: 10%					
Tiền thuế GTGT :					436.364
Tổng tiền thanh toán:					4.800.004

Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu tám trăm linh bốn đồng chẵn

**Người mua hàng**

(ký tên)

**Người bán hàng**

(ký tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(ký tên)

**Phụ lục 05 : UNC 06/06**

**Lệnh chi**

**Payment order**

**Số UNC 06/06      Ngày 11/06/2013**

**Tên đơn vị trả tiền:** Công ty CP gạch Tuynel Hương Thủy

**Tài khoản nợ:** 102010000600211

**Tại ngân hàng:**Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Nam TT Huế

**Số tiền bằng chữ:** Hai trăm bốn mươi triệu đồng chẵn

**Số tiền bằng số:** 240.000.000

**Tên đơn vị nhận tiền:** DNTN Nhật Tường

**Tài khoản có:** 23525666

**Tại ngân hàng:** Ngân hàng VP Bank- Vĩ Dạ- TP Huế

**Nội dung:** chuyển trả tiền than cám

**Đơn vị trả tiền**

**Kế toán**

**Chủ tài khoản**

**Phụ lục 6: Phiếu xuất kho XK06/74**

Công ty CP gạch Tuynel Hương Thủy

Tổ 6- phường Phú Bài- TX Hương Thủy- TTH

**PHIẾU XUẤT KHO**

**Mẫu số 02-VT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Số 06/74

Họ tên người nhận hàng:

Bộ phận: .

Xuất tại kho: công ty CP gạch Tuynel Hương Thủy.

Địa điểm: Tổ 6- phường Phú Bài- TX Hương Thủy- TTH

Lý do xuất: bán hàng

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm vật tư, dụng cụ, hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Theo thực xuất		
1	Máy mài GA	Chiếc	1	1		
	Cộng					

Số tiền viết bằng chữ:

**Người lập phiếu**

**Người nhận hàng**

**Thủ kho**

**Kế toán**

**Giám đốc**

(ký tên)

(ký tên)

(ký tên)

(ký tên)

(ký tên)

**Phụ lục 7: Hóa đơn giá trị gia tăng**

**HÓA ĐƠN GTGT**

Liên 3: Kế toán

Số 0002246

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần gạch Tuynel Hương Thủy

Địa chỉ: Tổ 6- Phường Phú Bài- TX Hương Thủy- TT Huế

Số tài khoản:

Điện thoại: Ms: 3300530275

Họ và tên người mua:

Đơn vị: Công ty cổ phần Hương Thủy

Địa chỉ: 1006 Nguyễn Tất Thành, TX Hương Thủy, Thừa Thiên Huế

Số tài khoản:

Điện thoại Ms 3300348587

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền
1	Máy mài GA	Chiếc	1	2.100.000	2.100.000
Cộng tiền hàng:					2.100.000
Thuế GTGT: 10%					
Tiền thuế GTGT :					210.000
Tổng tiền thanh toán:					2.310.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu ba trăm mười ngàn đồng chẵn

**Người mua hàng**

(ký tên)

**Người bán hàng**

(ký tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(ký tên)